

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN HÙNG

THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG
TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH NINH THUẬN

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHAN HÙNG

THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG
TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ
THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN TỈNH NINH THUẬN

Ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số : 8380104

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC TS. LÊ HUỖNH TẤN DUY

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn với đề tài “*Thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận*” là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Lê Huỳnh Tấn Duy. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc; các số liệu, ví dụ và trích dẫn đảm bảo tính chính xác, trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Phan Hùng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ	7
1.1. Những vấn đề lý luận về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự	7
1.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự	16
Tiểu kết chương 1	33
Chương 2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH NINH THUẬN	34
2.1. Khái quát về hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2013 - 2017.....	34
2.2. Những thành quả đạt được trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận	35
2.3. Những hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận và nguyên nhân	42
Tiểu kết chương 2	51
Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH NINH THUẬN	52
3.1. Chiến lược cải cách tư pháp và yêu cầu nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự	52
3.2. Hoàn thiện quy định của pháp luật về thực nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự	56
3.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận.....	60
Tiểu kết chương 3	67

KẾT LUẬN	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BCVND	:	Bào chữa viên nhân dân
BLTTHS	:	Bộ luật Tố tụng hình sự
BLHS	:	Bộ luật Hình sự
BLDS	:	Bộ luật Dân sự
BLTTDS	:	Bộ luật Tố tụng dân sự
BTP	:	Bộ Tư pháp
CQTHTT	:	Cơ quan tiến hành tố tụng
CQĐT	:	Cơ quan điều tra
CTV	:	Công tố viên
ĐTV	:	Điều tra viên
HĐXX	:	Hội đồng xét xử
KSV	:	Kiểm sát viên
LTTHS	:	Luật tố tụng hình sự
NĐDHP	:	Người đại diện hợp pháp
NBC	:	Người bào chữa
NTHTT	:	Người tiến hành tố tụng
QBC	:	Quyền bào chữa
TA	:	Tòa án
TP	:	Thẩm phán
TAND	:	Tòa án nhân dân
TTHS	:	Tố tụng hình sự
VKS	:	Viện kiểm sát
XHCN	:	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Số liệu thụ lý, giải quyết án hình sự sơ thẩm của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.2: Tỷ lệ giải quyết án hình sự sơ thẩm có luật sư tham gia trên tổng số vụ án thụ lý của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.3: Tỷ lệ giải quyết án hình sự sơ thẩm có luật sư chỉ định tham gia trên tổng số vụ án thụ lý của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.4: Tỷ lệ giải quyết án hình sự sơ thẩm có luật sư chỉ định tham gia trên tổng số vụ án có luật sư tham gia của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.5: Tỷ lệ giải quyết án hình sự sơ thẩm trong đó HĐXX chấp nhận quan điểm tranh luận của KSV và án bị hủy, sửa của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017.

Bảng 2.6: Số lượng xét xử các vụ án của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công cuộc cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân vấn đề bảo đảm quyền con người và quyền công dân nhất là trong hoạt động xét xử của Tòa án luôn được chú ý quan tâm và đặc biệt coi trọng. Nhưng tình hình vi phạm pháp luật luôn xảy ra có tính chất mức độ đặc biệt nghiêm trọng và gia tăng về số lượng. Cùng với sự cố gắng của toàn xã hội, các cơ quan tiến, người hành tố tụng có nhiều cố gắng đã góp phần quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật giữ vững an ninh - chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, chất lượng xét xử của Tòa án còn chưa xứng đáng với yêu cầu và nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao còn bộc lộ nhiều yếu kém, có nơi còn bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, xâm phạm đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của xã hội và công dân, tạo nên dư luận xã hội không tốt, làm giảm lòng tin vào Đảng và Nhà nước mà Hiến pháp đã quy định.

Theo nghị quyết 48/NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã nhấn mạnh: *“Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ nhưng thuận tiện, bảo đảm cho sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp”*. Nghị quyết 08/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/01/2002 được xem như sự bắt đầu cho cuộc cải cách tư pháp ở nước ta. Nghị quyết đã đề cập nhiều nội dung của công tác tư pháp từ hoạt động điều tra, truy tố xét xử cho đến việc đào tạo nâng cao nghiệp vụ..., tăng cường yếu tố tranh tụng trong quá trình xét xử vụ án hình sự được coi là điểm quan trọng của cải cách tư pháp và là vấn đề trọng tâm (chất lượng tranh tụng của KSV tại phiên tòa nâng cao, bảo đảm tranh tụng bình đẳng với Luật sư, NBC, bị can, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác, v.v). Kế đến

Nghị quyết 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 định hướng quy định thêm: “*Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; từng bước xã hội hoá một số hoạt động tư pháp, “Nghiên cứu việc chuyển VKS thành viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra”, “Hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, đồng thời xác định rõ chế độ trách nhiệm đối với luật sư”*”. Những quan điểm trên xác định tranh tụng là một trong những nội dung quan trọng của cải cách tư pháp trong hoạt động xét xử, đây cũng được coi là định hướng và yêu cầu thúc đẩy việc nghiên cứu thực hiện tranh tụng trong hoạt động của Tòa án. Quyết định, bản án của Tòa án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhằm xác định sự thật vụ án, bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khoản 5 Điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi năm 2013) khẳng định: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”.

Mặc dù nguyên tắc tranh tụng trong TTHS đã được ghi nhận và từng bước được quy định trong Hiến pháp, luật pháp và đưa vào thực hiện, nhưng quyền lợi của người phạm tội, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác vẫn còn những dấu hiệu bị vi phạm. Vị trí, vai trò và chức năng của họ chưa được đánh giá một cách đúng đắn dẫn đến không được bảo đảm đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp theo Hiến định và Luật định. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó, đáng chú ý là việc các chủ thể tham gia tố tụng chưa nhận thức đầy đủ và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo đảm nguyên tắc tranh tụng trong TTHS. Hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống và toàn diện về thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam.

Trước yêu cầu của cải cách tư pháp, đảm bảo sự bình đẳng trong hoạt động tố tụng hình sự tránh bỏ lọt tội phạm cũng như làm oan người vô tội, đảm bảo cho việc cải cách tư pháp theo nghị quyết của Bộ chính trị, đồng thời làm sáng tỏ về mặt lý luận và xuất

phát từ tính cấp thiết nêu trên tại tỉnh Ninh Thuận nơi tác giả đang công tác, tác giả chọn đề tài: *“Thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận”* làm đề tài luận văn thạc sĩ chuyên ngành Luật.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, đã có nhiều bài viết, công trình nghiên cứu xoay quanh vấn đề tranh tụng tại phiên tòa có thể kể đến một số cuốn sách như:

- Nguyễn Văn Hiến (2011) *Về nguyên tắc tranh tụng trong TTHS*;
- Lê Hữu Thế (2013) *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*;
- VKSNDTC (2014) *Tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của KSV trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*;
- Lê Tiến Châu (2003) “Một số vấn đề về tranh tụng trong TTHS”, Tạp chí *KHPL*, số 01;
- Trần Văn Độ (2004) “Bản chất của tranh tụng tại phiên tòa”, Tạp chí *KHPL*, số 04;
- Nguyễn Thái Phúc (2008) “Vấn đề tranh tụng và tăng cường tranh tụng trong TTHS theo yêu cầu của cải cách tư pháp”, Tạp chí *NN&PL*, số 08;
- Nguyễn Trương Tín (2010) “Một số vấn đề về sự tham gia tranh tụng của người bị hại và nguyên đơn dân sự tại phiên tòa hình sự sơ thẩm theo yêu cầu của cải cách tư pháp”, Tạp chí *luật học*, số 03;
- Phạm Hồng Hải (2011) *Đánh giá thực trạng tranh tụng trong phiên tòa của KSV dưới góc nhìn của luật sư*;
- Trần Duy Bình (2012) *Thực trạng và một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa hình sự theo tinh thần cải cách tư pháp*;

Nhìn chung, những công trình nói trên thể hiện tính nghiêm túc trong học thuật, lý luận, đồng thời chỉ ra một cái nhìn tổng quan về nguyên tắc tranh tụng trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam. Luận văn mong muốn sẽ kế thừa những thành tựu mà những công trình đi trước đã đạt được và sẽ tiếp nối những vấn đề

mà thực tiễn đang đặt ra mà các công trình nghiên cứu trước chưa có điều kiện giải quyết trên cơ sở lý luận và thực tiễn nghiên cứu về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu đề tài này, tác giả hướng tới mục đích làm rõ thêm cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm trong vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận, từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa trong vụ án hình sự sơ thẩm ở Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu luận văn, tác giả đưa ra các vấn đề cần giải quyết sau:

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm trong vụ án hình sự như: Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc tranh tụng, thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm trong vụ án hình sự; điều kiện, ý nghĩa của việc tranh tụng tại phiên tòa và cơ sở pháp lý về tranh tụng tại phiên tòa .

- Phân tích, đánh giá thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong vụ án hình sự sơ thẩm tại TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận những năm gần đây, qua đó rút ra những thành quả đạt được cũng như những hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong hoạt động thực hiện nguyên tắc tranh tụng.

Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật, về cơ chế tổ chức, về con người thực hiện... nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận mà luận văn đưa ra sẽ giúp ích cho các cơ quan tiến hành tố tụng, người bào chữa, đội ngũ luật sư, bị cáo và Tòa án để nâng cao hiệu quả hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Những vấn đề lý luận về hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, nguyên tắc tranh tụng và thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận.

Phạm vi nghiên cứu về thực tiễn thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại các phiên tòa hình sự sơ thẩm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, từ năm 2013 đến năm 2017.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam về nhà nước, pháp luật, xây dựng Nhà nước pháp quyền, về cải cách tư pháp, lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, pháp luật TTHS, thể hiện trong quá trình chỉ đạo cải cách tư pháp nói riêng theo yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê nin, luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp logic, phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê, phân tích, phương pháp so sánh, tổng hợp để luận chứng các vấn đề tương ứng được nghiên cứu ở trên.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu của đề tài góp phần làm rõ những vấn đề lý luận về việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm trong vụ án hình sự theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận. Các đóng góp về mặt lý luận giúp cho việc đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của BLTTHS. Đưa ra các phương hướng, giải pháp hoàn thiện việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong pháp luật TTHS có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật TTHS, pháp luật về tổ chức, về những tổ chức, cá nhân liên quan tiến hành tố tụng, cũng như đội ngũ luật sư, người bào

chữa, xây dựng các giải pháp, tổ chức bộ máy, cơ sở vật chất cho phù hợp trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa hình sự.

Kết quả nghiên cứu của luận văn cũng là một tài liệu tham khảo hữu ích phục vụ cho việc thực hiện tranh tụng tại phiên Tòa được bảo đảm để áp dụng các quy định pháp luật TTHS một cách công bằng, khách quan và phục vụ cho việc tuyên truyền cũng như giảng dạy.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Chương 2. Thực tiễn thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận

Chương 3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1 Những vấn đề lý luận về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.1. Nhận thức chung về nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự

1.1.1.1. Khái niệm nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự

Nguyên tắc tranh tụng là một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS Việt Nam, chi phối toàn bộ quá trình xét xử và mang tính định hướng chỉ đạo cho toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Theo từ điển tiếng Việt “*nguyên tắc*” là “*Điều cơ bản định ra, nhất thiết phải tuân theo trong một loại việc làm*”. Giáo trình Luật TTHS, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2001 cũng xác định nguyên tắc là “*tư tưởng chỉ đạo, quy tắc cơ bản của một hoạt động nào đó*” [5, tr.45]. Trong khoa học pháp lý, theo nghĩa chung nhất thì nguyên tắc của pháp luật là những nguyên lý, tư tưởng chỉ đạo cơ bản có tính chất xuất phát điểm, thể hiện tính toàn diện, linh hoạt và có ý nghĩa bao trùm, quyết định nội dung và hiệu lực của pháp luật [7, tr.245]. Nguyên tắc TTHS là những phương châm, định hướng chi phối và giải quyết toàn bộ các giai đoạn TTHS hoặc một số giai đoạn TTHS và mang tính chất định hướng cho mọi hoạt động và hành vi tố tụng [99, tr.375].

Theo từ điển tiếng Việt “*tranh tụng*” là “*sự kiện cáo lẫn nhau*” giữa bên nguyên và bên bị có lập trường tương phản, yêu cầu Tòa án phân xử [7, tr.54]; Còn theo nghĩa Hán Việt thì thuật ngữ tranh tụng được ghép từ hai từ “*tranh luận*” và “*tố tụng*” có nghĩa là tranh luận trong tố tụng. Như vậy, dưới góc độ chung về ngôn ngữ học thì “*tranh tụng là sự kiện, cáo buộc lẫn nhau giữa hai bên có lợi ích đối lập nhau*”.

Xét dưới góc độ pháp lý, tranh tụng là một quá trình tố tụng diễn ra trong hoạt động tố tụng tư pháp (bao gồm tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự). Tranh tụng xuất hiện khi có sự xung đột, mâu thuẫn về lợi ích giữa các bên trong cùng một vấn đề, Tranh tụng chỉ kết thúc khi vấn đề được giải quyết thông qua một quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Như vậy tranh tụng là một quá trình đấu

tranh nhằm phủ định lẫn nhau giữa hai chức năng cơ bản (chức năng buộc tội và chức năng gỡ tội) là hai chức năng có định hướng ngược chiều nhau, đối trọng nhau, có quyền ngang nhau, bình đẳng trong việc bảo vệ ý kiến, quan điểm, lợi ích, quyền lợi mình và phản bác ý kiến, lập luận, lợi ích của phía bên kia mà đỉnh điểm quá trình này diễn ra tại phiên tòa xét xử và Tòa án có vai trò như là trọng tài. Tranh tụng là nguyên tắc cơ bản của TTHS, có TTHS thì phải có tranh tụng và tranh tụng đóng vai trò là nguyên tắc cơ bản, mang tính định hướng chỉ đạo hoạt động của các chủ thể thực hiện các hoạt động TTHS.

Căn cứ vào nội dung, tính chất tranh tụng và hình thức tiến hành của các loại tranh tụng, thì tranh tụng trong TTHS là cuộc tranh luận giữa hai bên có lập trường tương phản nhau gắn liền với hoạt động xét xử. Tranh tụng trong TTHS diễn ra ở mọi giai đoạn của quá trình tố tụng, tuy nhiên chỉ có thể được tiến hành đầy đủ tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tham gia quá trình tranh tụng là tất cả các chủ thể thuộc bên buộc tội, bên bào chữa và các chủ thể khác dưới sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa, sự giám sát của HĐXX một cách công khai. HĐXX có vai trò đứng giữa bên buộc tội và bên bào chữa, làm trọng tài phân xử và đưa ra quyết định cuối cùng về vụ án. Tranh tụng là cơ sở để xác định chức năng, vai trò của các chủ thể tham gia tố tụng tại phiên Tòa theo quy định của BLTTHS.

Tranh tụng trong TTHS là vấn đề được rất nhiều học giả nghiên cứu với phạm vi và mức độ khác nhau. Hiện nay khái niệm tranh tụng vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau và chưa thông nhất quan điểm về tranh tụng trong TTHS, khi nghiên cứu tác giả nhận thấy có các quan điểm sau:

Quan điểm thứ nhất: tác giả Nguyễn Đức Mai cho rằng tranh tụng là “một quá trình xác định sự thật khách quan về vụ án, đồng thời cũng chính là phương tiện để đạt được mục đích các nhiệm vụ đặt ra của luật TTHS và bảo đảm cho các chủ thể tham gia vào quá trình TTHS có thể thực hiện một cách có hiệu quả nhất chức năng của mình ở tất cả các giai đoạn TTHS” [14-tr.23,24]. Quan điểm này đã đánh đồng tranh tụng với quá trình xác định sự thật khách quan của vụ án, đó là hoạt động chứng minh, có sự nhầm lẫn giữa nội dung và hình thức, giữa hoạt động tố

tụng với chính hình thức. Do đó, quá trình xác định chứng cứ, tài liệu, sự thật khách quan trong vụ án hình sự là quá trình chứng minh tội phạm. Song tranh tụng là một tiền đề quan trọng, định hướng cho toàn bộ quá trình xác minh sự thật khách quan của vụ án nhằm đạt được mục đích đặt ra của TTHS. Quan điểm này chưa khai thác tranh tụng dưới góc độ là một nguyên tắc cơ bản của luật TTHS, chưa chỉ ra sự xuất hiện tranh tụng trong những giai đoạn nào và các chủ thể tham gia tranh tụng.

Quan điểm thứ hai, tác giả Nguyễn Thái Phúc cho rằng tranh tụng là “một quá trình tồn tại, vận động, đấu tranh nhằm phủ định lẫn nhau giữa hai chức năng cơ bản (chức năng buộc tội và chức năng bào chữa), là hai chức năng có định hướng ngược chiều, đối trọng nhau, có quyền ngang nhau bảo vệ ý kiến, lập luận, lợi ích mình và phản bác ý kiến, lập luận, lợi ích của bên kia mà định điểm của quá trình này diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm trước TA có vai trò trọng tài” [17-tr.58], tác giả đã tiếp cận dưới góc độ xem tranh tụng là nguyên tắc cơ bản của TTHS và cho rằng tranh tụng là bản chất của TTHS. Đồng thời, có TTHS là phải có tranh tụng và tranh tụng đóng vai trò là nguyên tắc cơ bản, mang tính định hướng chỉ đạo hoạt động của các chủ thể thực hiện các giai đoạn TTHS.

Bên cạnh các quan điểm trên, vẫn còn một số quan điểm của các tác giả khác nghiên cứu tranh tụng cũng như quan điểm của cơ quan VKS dưới góc độ là một mô hình tố tụng, theo đó hoạt động xác minh sự thật vụ án gắn liền với mô hình tố tụng và các bên tham gia tố tụng một cách bình đẳng với nhau.

1.1.1.2. Đặc điểm nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, các chủ thể thực hiện chức năng tố tụng được phân định rõ ràng: Tố tụng tranh tụng là hệ thống tố tụng mà Tòa án là cơ quan xét xử và tiến hành tố tụng chính, sự tập trung nhất của hệ thống tố tụng. Viện kiểm sát, người bị hại là chủ thể thực hiện chức năng buộc tội, còn luật sư, người bào chữa, bị cáo là chủ thể thực hiện chức năng gỡ tội, HĐXX thực hiện vai trò là trọng tài - tài phán.

Thứ hai, trong tố tụng tranh tụng hình thành hai bên với những lợi ích đối kháng rõ rệt - bên buộc tội và bên gỡ tội bình bằng nhau: Trong tố tụng tranh tụng, Viện Kiểm sát và Luật sư hoàn toàn bình đẳng nhau trong hoạt động tố tụng tại

phiên tòa, họ được pháp luật trao những quyền tương ứng với chức năng để có thể điều tra độc lập và thu thập chứng cứ phục vụ cho công việc của mình. VKS đưa ra các chứng cứ để buộc tội bị cáo. Còn bên gỡ tội là bị cáo và Luật sư cũng dùng các chứng cứ, lập luận được luật pháp cho phép để đối đáp lại. Hai bên sẽ xét hỏi bị cáo, tranh luận trực tiếp và trả lời các vấn đề mâu thuẫn nhau công khai tại phiên tòa để làm rõ những vấn đề có trong vụ án.

Thứ ba, Thẩm phán giữ vai trò của người trọng tài: Do tranh tụng chưa được quy định trong giai đoạn khởi tố, điều tra nên các chứng cứ đều do các bên trực tiếp đưa ra trong quá trình tranh tụng trong xét xử tại phiên tòa giữa KSV và bị cáo, Luật sư. Tại phiên tòa, Thẩm phán chỉ kiểm tra các chứng cứ hợp pháp trong vụ án, đã được KSV đưa ra để buộc tội cho bị cáo và căn cứ vào quá trình tranh tụng giữa bên Buộc tội - VKS và bên gỡ tội - Luật sư mà Thẩm phán ra quyết định, bản án cho phù hợp với quy định của pháp luật.

1.1.2. Thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

1.1.2.1. Khái niệm thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Theo từ điển tiếng Việt, “thực hiện” là làm cho cái có thật bằng những hành động cụ thể, phải làm cho nguyên tắc tranh tụng được sử dụng tại phiên tòa được bảo đảm thực hiện nhằm mục đích tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

Trong suốt quá trình tranh tụng, bên buộc tội và bên bào chữa có thể liên tục trao đổi những lập luận, chứng cứ, lý lẽ để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa nhằm bảo vệ quyền hạn và trách nhiệm của các chủ thể tham gia tố tụng nhằm tìm ra sự thật của vụ án, nhằm bảo vệ quyền con người, không kết oan người vô tội. Thực hiện tranh tụng tại phiên tòa các bên buộc tội, gỡ tội cần phải chủ động xác định các vấn đề cần tìm hiểu, cần phải làm rõ đưa ra chứng cứ, lập luận để thuyết phục TA, HĐXX.

Thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa các bên tham gia tố tụng đều có quyền ngang nhau chủ động xác định các vấn đề tài liệu, chứng cứ cần chứng minh, trên cơ sở đó có thể tự tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ cần thiết để phản bác lại

quan điểm của bên đối lập và bảo vệ quan điểm của mình trước tòa. Mọi chứng cứ, lý lẽ được thu thập, xuất trình tại phiên tòa theo đúng trình tự pháp lý được TA chấp nhận sẽ là căn cứ cho phán quyết cuối cùng mà không phân biệt là do bên nào đưa ra.

Thực hiện nguyên tắc tranh tụng là tạo điều kiện cho các chủ thể vận dụng hết khả năng của mình trước TA, HĐXX để khẳng định việc bị cáo có phải chịu trách nhiệm hình sự vì đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hay không theo quy định của pháp luật hình sự cũng như việc phủ nhận các cáo buộc, chứng minh vô tội cho người bị buộc tội.

Từ những phân tích nêu trên có thể hiểu: *Thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự là quá trình áp dụng những nội dung của nguyên tắc tranh tụng và các quy định cụ thể hóa nguyên tắc này được ghi nhận trong BLTTHS vào thực tiễn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự.*

1.1.2.2. Đặc điểm thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Thực hiện cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước, Hiến pháp năm 2013 và BLTTHS năm 2015 lần đầu tiên ghi nhận nguyên tắc tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản của TTHS Việt Nam, Điều 26 “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”. Để thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự có các đặc điểm sau đây:

Một là, tất cả những người tham gia tố tụng đều bình đẳng có quyền và nghĩa vụ xác định sự thật vụ án. Thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự đòi hỏi người bào chữa và cả bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cũng phải áp dụng mọi biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án.

Hai là, các chủ thể trong TTHS, phân chia các chủ thể tố tụng tranh tụng gồm: Bên buộc tội (VKS, Viện công tố), bên gỡ tội và xét xử - Tòa án là trọng tài tương ứng với vị trí, vai trò và chức năng của mình theo quy định của pháp luật.

Ba là, tại phiên tòa xét xử các tài liệu, chứng cứ để chứng minh một người có

phạm tội không phải được làm rõ thông qua việc thực hiện tranh luận giữa bên buộc tội và bên gỡ tội.

Bốn là, Quyết định, bản án của TA, HĐXX phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kết quả hoạt động của CQĐT và VKS chỉ là căn cứ để buộc tội cho bị cáo. TA còn phải căn cứ vào quá trình thực hiện tranh tụng của các bên buộc tội và bên gỡ tội để phán xét có tội phạm hay không và hình phạt được áp dụng.

1.1.2.3. Ý nghĩa việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Thứ nhất, Thực nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự mang ý nghĩa chính trị sâu sắc, được các Nghị quyết của Bộ Chính trị khẳng định nâng cao chất lượng tranh tụng trong phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động cải cách tư pháp chứng tỏ quyền dân chủ của công dân và cơ chế tự do dân chủ ngày càng phát triển và mở rộng ở nước ta, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, các quyền công dân ngày càng được tôn trọng và bảo đảm thực hiện. Đặc biệt tại Khoản 5 Điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi năm 2013 và điều 26 Bộ luật TTHS năm 2015 khẳng định: “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”.

Thứ hai, Thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bảo đảm nguyên tắc của hoạt động tư pháp Nhà nước pháp quyền XHCN .

Hiện nay, đất nước đang tiến tới đổi mới toàn diện, đã đạt được những thành quả to lớn, đặc biệt là phát huy quyền tự do dân chủ của công dân, bảo đảm các quyền của con người. Các nghị quyết của bộ chính trị, Hiệp pháp, BLTTHS ghi nhận quyền tranh tụng của bị cáo trước phiên toà xét xử hình sự. Điều đó đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận Đó cũng là biểu hiện mục tiêu phát triển vì con người, lấy con người làm trọng tâm và động lực cho sự phát triển của đất nước.

Trong nhà nước pháp quyền XHCN, con người luôn được Đảng và Nhà nước đặt vào vị trí trung tâm của chính sách kinh tế - xã hội. Thực hiện nguyên tắc tranh

tụng trong phiên tòa hình sự là quá trình giải quyết quan trọng của chính sách của Đảng và Nhà nước vì con người.

Thứ ba, thể hiện tính nhân văn, nhân đạo được trong những trường hợp theo quy định của pháp luật, nếu bị cáo hoặc người đại diện hợp pháp của họ không mời NBC thì CQĐT, VKS hoặc TA yêu cầu đoàn luật sư cử Luật sư cho họ. Đó là các trường hợp luật pháp quy định cần phải có luật sư chỉ định để bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bị cáo..

Thứ tư, thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là biểu hiện của việc thực hiện bình đẳng trong hoạt động tư pháp TTHS. Theo qui định tại Điều 12 BLTTHS năm 2003 hoặc Điều 61 BLTTHS năm 2015, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình. Khi bào chữa, bị cáo có quyền bình đẳng với các chủ thể khác, đặc biệt là bình đẳng với KSV trong việc đưa ra chứng cứ và đưa ra yêu cầu tranh luận tại phiên tòa và ý kiến gỡ tội của bị cáo, luật sư tại phiên tòa là cần thiết giúp HĐXX xác định sự thật của vụ án một cách khách quan. Do vậy, thực hiện nguyên tắc tranh tụng là tạo điều kiện cho bị cáo có thể để đưa ra những chứng cứ minh oan hoặc giảm nhẹ tội cho mình bình đẳng, ngang bằng với luận điểm, cáo trạng kết tội của VKS.

Thứ năm, Thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự là thực hiện nguyên tắc cơ bản của BLTTHS.

Thực hiện tranh tụng trong phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự giúp bị cáo hoặc luật sư đưa ra lý lẽ, chứng cứ bác bỏ sự buộc tội của KSV hoặc giảm nhẹ tội cho bị cáo. Theo quy định BLTTHS bị cáo có quyền nhưng không buộc phải đưa ra chứng cứ để chứng minh là mình vô tội. Theo quy định tại Điều 11 BLTTHS năm 2003 hoặc Điều 61 BLTTHS năm 2015 thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về các CQTHTT. BLTTHS quy định không được dùng lời nhận tội của bị cáo làm chứng cứ duy nhất để kết tội. Lời nhận tội của bị cáo được coi là chứng cứ buộc tội nếu nó phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án.

Thứ sáu, thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa góp phần xác định sự thật khách quan của vụ án, bảo đảm trong quá trình tố tụng này sẽ không được lọt

người phạm tội, không làm oan người vô tội, bảo đảm điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, nhằm hạn chế đến mức tối đa tình trạng bị oan, sai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Thực hiện tranh tụng luôn luôn có đối lập quan điểm với nhau giữa bên buộc tội và bên gỡ tội. Tòa án với tư cách là cơ quan tài phán - trọng tài có đủ điều kiện để xác định sự thật khách quan của vụ án và chỉ căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

1.1.2.4. Điều kiện đảm bảo thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Để việc thực hiện tranh tụng có hiệu quả, cần có những điều kiện đảm bảo sau đây:

Một là, đảm bảo về mặt pháp lý.

Thứ nhất, quy định thẩm quyền và trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể tham gia tố tụng bao gồm: KSV, TP, NBC phù hợp với vị trí, vai trò theo yêu cầu tranh tụng. Cần có quy định đầy đủ, hợp lý về địa vị tố tụng của các bên tham gia tố tụng để họ có đủ điều kiện, khả năng thực hiện các nội dung tranh tụng theo chức năng, nhiệm vụ của mình để chủ động thu thập, kiểm tra chứng cứ, được đưa ra các yêu cầu, xét hỏi người làm chứng và đưa ra quan điểm phản bác đối phương nhằm tìm ra sự thật của vụ án.

Thứ hai, các bên tham gia tố tụng bình đẳng, đặc biệt là tại phiên tòa; tạo điều kiện để các bên tham gia tố tụng được xét hỏi, tranh luận một cách khách quan bình đẳng; gia tăng quy định các vụ án hình sự bắt buộc phải có luật sư tham gia..

Thứ ba, quy định về quyền khiếu nại, kháng cáo bản án, quyết định của các bên tham gia tố tụng hình sự như nhau. Tạo điều kiện có Luật sư được quyền khiếu nại, kháng cáo bản án, quyết định của TA khi áp dụng cho thân chủ của mình.

Hai là, bảo đảm về mặt tổ chức.

Quy định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của VKS, KSV (công tố) và TA, thẩm phán tạo điều kiện nâng cao thực hiện tranh tụng tại phiên tòa để phù hợp với cơ chế tranh tụng. Cần có sự quan tâm thỏa đáng đối với việc tăng cường các tổ chức luật sư, mở rộng phạm vi bào chữa để bảo đảm các phiên tòa có sự tham gia của NBC ngày

càng nhiều. Bên cạnh đó, cần nâng cao nhận thức, trình độ của các chủ thể gia tố tụng, bảo đảm cho họ có đủ năng lực về chuyên môn tốt việc tranh tụng tại phiên tòa. Cần đào tạo kỹ năng sâu về chuyên môn giữa các chức danh KSV, TP, Luật sư nhằm tạo hiệu quả tranh tụng dù họ ở vị trí buộc tội, gỡ tội hay trọng tài để ra phán quyết.

Ba là, bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí cho quá trình tranh tụng.

Phòng xử án phải có cấu trúc phù hợp với mô hình tranh tụng với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phù hợp với mọi loại đối tượng phạm tội, sắp xếp vị trí của các bên tại phiên tòa bảo đảm bình đẳng, khách quan cho các chủ thể tham gia tố tụng; tạo điều kiện cho các bên dễ dàng tiếp xúc trong quá trình tố tụng; cùng với hệ thống âm thanh, hình ảnh sao cho thuận tiện cho việc theo dõi phiên tòa. Ngoài ra, cần có kinh phí để hỗ trợ thêm cho TP, HTND trong công việc xét xử cũng như nghiên cứu.

Bốn là, trình độ, năng lực của các chủ thể tham gia thực hiện nguyên tắc tranh tụng.

Hiện tại, hệ thống TA ở nước ta được tổ chức theo quy định của Luật tổ chức TAND theo đơn vị hành chính. Đội ngũ TP đều trải qua quá trình công tác ở vị trí Thư ký TA, chuyên viên pháp lý, thẩm tra viên, được đào tạo chính quy về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ xét xử nên vì vậy họ có năng lực bảo đảm giải quyết, xét xử các vụ án được giao theo thẩm quyền.

Đội ngũ VKS khi thực hiện chức năng công tố, tranh tụng với bên gỡ tội - Luật sư thì đội ngũ VKS cũng phải được nâng cao hơn nhằm đưa ra những lập luận để bảo vệ quan điểm của mình với bên gỡ tội tại phiên tòa.

Luật sư, NBC phải đủ trình độ và năng lực là điều kiện hết sức quan trọng bởi vì trong mô hình tố tụng tranh tụng, Luật sư, NBC có vai trò tham gia vào việc thu thập chứng cứ, góp phần tìm sự thật khách quan của vụ án và giúp bảo đảm các quyền cơ bản của bị can, bị cáo trong suốt quá trình tố tụng vụ án. Bên cạnh năng lực cần thiết, Luật sư còn phải có tư cách đạo đức tốt. Đây là yếu tố quan trọng trong mô hình tố tụng tranh tụng, vai trò Luật sư ảnh hưởng đến kết quả của vụ án là rất lớn. Ngoài

ra, số lượng các vụ án hình sự ngày một gia tăng, nếu không đủ số lượng luật sư thì không thể nào tham gia đầy đủ xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự.

1.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa trong vụ án hình sự

1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển các quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Ngay sau khi thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm đến việc xây dựng Hiến pháp và hệ thống văn bản pháp luật trong đó có lĩnh vực TTHS.

Nền tư pháp của nước ta ảnh hưởng rất lớn từ nước Pháp, đó là mô hình tố tụng thẩm vấn. Sau đó vào giai đoạn những năm 1960, khi hệ thống tư pháp Việt Nam có sự cải cách cơ bản thì ngay trong hệ thống cơ quan tư pháp có sự phối hợp, ràng buộc lẫn nhau. Trong các giai đoạn TTHS, hoạt động tranh tụng của Luật sư mặc dù chưa được quy định phù hợp với thực tiễn xét xử, song do chịu nhiều ảnh hưởng của tố tụng tranh tụng nên Luật sư đã và đang chuyển dần từ vai trò của người hỗ trợ cho hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án để chuyển sang vai trò chính là người “gỡ tội”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 33c ngày 13 tháng 9 năm 1945 về việc thành lập TA quân sự quy định: “*Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bên vực cho họ*”.

Theo Điều 65 Hiến pháp 1946 quy định về sự tham gia của phụ thẩm nhân dân, Điều 67, 69 quy định về việc TP chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử; *các phiên tòa đều phải công khai, trừ những trường hợp đặc biệt; người bị cáo được quyền tự bào chữa hoặc nhờ luật sư bào chữa*.

Vai trò bào chữa của luật sư được đặc biệt nhấn mạnh trong Điều 2 Sắc lệnh số 46 ngày 10/10/1945 quy định tổ chức các đoàn thể luật sư, trong đó chỉ rõ, các luật sư có quyền làm nhiệm vụ bào chữa trước tất cả các TA cấp tỉnh trở lên và trước tất cả các TA quân sự.

Như vậy, những quy định trên so với Hiến pháp năm 1946 đã quy định cụ thể

hơn về QBC của bị cáo, đặc biệt là phạm vi những người có thể tham gia tố tụng để bảo vệ cho bị cáo được mở rộng hơn. Pháp luật đã thừa nhận việc công dân không phải là luật sư cũng có thể tham gia tố tụng với tư cách là NBC với điều kiện được Chánh án thừa nhận.

Trong thời kỳ cả nước tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Để thực hiện thống nhất pháp luật ở hai miền, Chính phủ cách mạng lâm thời ra Thông tư số 06 ngày 11/6/1976 về việc thực hiện chế định bào chữa ở miền Nam.

Trong thời kỳ này, trên cơ sở Hiến pháp năm 1959, vị trí, vai trò và chức năng của cơ quan xét xử (TA) và cơ quan buộc tội (VKS) đã tương đối rõ ràng và được quy định cụ thể trong Luật tổ chức TAND năm 1960, Điều 1 Luật tổ chức TAND năm 1960 quy định: *“Các Tòa án nhân dân là những cơ quan xét xử của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”*. Hệ thống TAND gồm: *TANDTC, TAND cấp tỉnh, TAND cấp huyện, TAND ở các khu vực tự trị và các TA quân sự.*

Luật tổ chức TAND năm 1960 cũng ghi nhận, TA phải có trách nhiệm bảo đảm cho các chủ thể tham gia tố tụng thực hiện được các quyền, đặc biệt là QBC và nghĩa vụ của mình; các TP phải chú ý cả hai mặt buộc tội và gỡ tội mà không được thiên về một phía. Điều 7 Luật tổ chức TAND năm 1960 quy định: *“Quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Ngoài việc tự bào chữa ra, bị cáo có thể nhờ luật sư bào chữa cho mình. Bị cáo cũng có thể nhờ người công dân được toàn thể nhân dân chấp thuận vào bào chữa cho mình. Khi cần thiết, Tòa án nhân dân chỉ định người bào chữa cho bị cáo”*. Có thể thấy, QBC của bị cáo là một trong những quyền quan trọng nhất của bị cáo trong TTHS thời điểm này, thể hiện như quyền đối trọng với quyền buộc tội của VKS-KSV. Các tổ chức luật sư và các chế định bào chữa đã được quy định để giúp đỡ bị can, bị cáo trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong TTHS.

Trên cơ sở Hiến pháp 1980, Luật tổ chức TAND năm 1981 tiếp tục kế thừa chức năng nhiệm vụ và mô hình tổ chức hoạt động của Luật tổ chức TAND năm 1960 và Luật tổ chức VKSND năm 1981 trên cơ sở kế thừa mô hình tổ chức của hệ thống

VKSND năm 1960.

Sau khi thống nhất đất nước, Bộ tư pháp đã ban hành Thông tư về công tác bào chữa trong toàn quốc, trong đó xác định đoàn bào chữa và bào chữa viên có trách nhiệm góp phần bảo vệ chân lý, bảo vệ pháp chế XHCN thông qua hoạt động của mình.

Hiến pháp năm 1980 ra đời, QBC của bị cáo được khẳng định tại Điều 133: *“QBC của bị cáo được bảo đảm. Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác về mặt pháp lý”*.

Pháp lệnh tổ chức luật sư năm 1987 và Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quy chế Đoàn luật sư, kèm theo Nghị định số 15/HĐBT quy định chi tiết về tổ chức, quản lý, điều hành Đoàn luật sư cũng như quan hệ của Đoàn luật sư với các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội... Trong giai đoạn này, cả nước thành lập được 61 Đoàn luật sư tại 61 tỉnh thành với tổng số 1500 luật sư; đáp ứng phần nào nhu cầu trợ giúp pháp lý của công dân, tổ chức; đóng góp tích cực cho việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và các đương sự khác; đồng thời bảo đảm tính khách quan, chính xác, đúng pháp luật của hoạt động tố tụng.

Trên cơ sở Hiến pháp năm 1992, mô hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp được thực hiện theo quy định của Hiến pháp năm 1992, Luật tổ chức TAND, Luật tổ chức VKSND. Thay đổi chức năng của VKS tập trung làm tốt chức năng công tố. TA, Kiểm sát được tổ chức tương đối chặt chẽ, có sự phân định khá rõ ràng giữa các chức năng điều tra, truy tố và xét xử. BLTTHS năm 1988 ra đời, quy định quyền và nghĩa vụ của các CQTHTT, chủ thể THTT, chủ thể tham gia tố tụng trong TTHS.

Hiến pháp năm 1992 vào thời kỳ đổi mới và mở rộng dân chủ đã khẳng định: *“QBC của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo có thể tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa cho mình. Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo...”*.

Pháp lệnh luật sư năm 2001 nhằm phục vụ mục tiêu cải cách tư pháp và hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta, đã thể hiện quan điểm cải cách mạnh mẽ tổ chức và hoạt động luật sư nước ta theo hướng chính quy hóa đội ngũ

luật sư, nghề luật sư, tăng cường vai trò tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư và tạo cơ sở pháp lý cho quá trình hội nhập quốc tế của nghề luật sư.

Thời kỳ này, các quy định về tranh tụng được quy định tương đối cụ thể hơn so với trước. BLTTHS năm 2003 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã có nhiều quy định nhằm bảo đảm cho việc thực hiện tranh tụng trong TTHS.

Pháp luật TTHS cũng quy định khá rõ vai trò, chức năng, trách nhiệm của các chủ thể trong tranh tụng, đặc biệt là trách nhiệm của CQĐT, VKS, TA, cũng như trách nhiệm chứng minh tội phạm; bảo đảm cho bị can, bị cáo thực hiện QBC; giải thích và bảo đảm cho người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ; thu thập, xem xét và đánh giá chứng cứ;...

Và đặc biệt các nghị quyết số 08/NQ-TW và Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị khẳng định nâng cao chất lượng tranh tụng trong phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động cải cách tư pháp, chứng tỏ quyền dân chủ của công dân và cơ chế tự do dân chủ ngày càng phát triển và mở rộng ở nước ta, đặc biệt trong thời kỳ hội nhập quốc tế, các quyền công dân ngày càng được tôn trọng và bảo đảm thực hiện, tại Khoản 5 Điều 103 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi năm 2013 khẳng định: “*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*”.

1.2.2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nhằm bảo đảm thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

1.2.2.1. Quy định về sự bình đẳng giữa các bên tham gia tranh tụng

Tranh tụng là sự mâu thuẫn, đối lập giữa hai nhóm chủ thể (bên buộc tội và bên gỡ tội), trong đó TA đóng vai trò trung tâm trong quá trình TTHS và thông qua tranh tụng giữa hai nhóm chủ thể trên TP đưa ra phán quyết về sự thật khách quan của vụ án, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước và các bên liên quan. Song để cho hoạt động tranh tụng diễn ra một cách khách quan, đảm bảo sự công bằng dân chủ thì các bên tham gia tranh tụng phải có sự bình đẳng trong hoạt động tố tụng.

Theo điều 26 BLTTHS 2015 quy định như sau: “Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án”. Trong bất kỳ mô hình tố tụng nào hay trong những giai đoạn lịch sử khác nhau thì quá trình TTHS luôn vận động và tồn tại với ba nhóm chủ thể:

Nhóm chủ thể thực hiện chức năng buộc tội, bao gồm: VKS (hay viện công tố), Kiểm sát viên (hay công tố viên), CQĐT, Điều tra viên, người bị hại;

Nhóm chủ thể gỡ tội - bào chữa, bao gồm: Người bị tạm giữ, tạm giam, bị can, bị cáo và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp, người bào chữa;

Nhóm chủ thể xét xử, chỉ bao gồm TA.

Trong ba nhóm chủ thể trên thì TA không đóng vai trò là bên tham gia tranh tụng, mà chỉ đóng vai trò là trọng tài đứng ra phân xử cho hai bên buộc tội, bên gỡ tội - bào chữa và đảm bảo cho quá trình tranh tụng diễn ra một cách bình đẳng, dân chủ, công bằng giữa các bên.

Nguyên tắc đặt ra yêu cầu đảm bảo cho nhóm chủ thể là người thực hiện chức năng buộc tội (ĐTV, KSV, người khác) và nhóm chủ thể gỡ tội (người bị buộc tội, người bào chữa ...) được bình đẳng với nhau trong việc đưa ra, đánh giá chứng cứ và đưa ra các yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Chính vì lý do đó phân tích bình đẳng về địa vị pháp lý của hai nhóm chủ thể trên, để thấy được sự thể hiện của nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa vụ án hình sự và yêu cầu bình đẳng về địa vị pháp lý, để quá trình tranh tụng theo đúng yêu cầu chiến lược cải cách tư pháp về tranh tụng.

Chủ thể thực hiện chức năng buộc tội trong TTHS Việt Nam như đã nêu trên được quy định tại điều 34, 62 BLTTHS năm 2015 bao gồm: VKS - Kiểm sát viên, CQĐT - Điều tra viên, người bị hại. Trong đó KSV, ĐTV là người thực hiện chức năng buộc tội một cách chủ động, bằng sức mạnh cưỡng chế của quyền lực nhà nước và bắt buộc các cá nhân, cơ quan tổ chức thực hiện. KSV, ĐTV là những

người được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ có trình độ học vấn cao nên thường chiếm ưu thế hơn so với bên bào chữa. Bên buộc tội thường chủ động hơn, bởi quá trình buộc tội nói riêng và giải quyết vụ án nói chung là chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn của nhóm chủ thể thực hiện chức năng buộc tội. Quyền và nghĩa vụ của nhóm chủ thể này được quy định từ điều 36 đến điều 43, 62 BLTTHS năm 2015. CQĐT - Điều tra viên tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tiến hành các hoạt động điều tra; người bị hại thực hiện chức năng buộc tội thông qua hoạt động trình báo về tội phạm hay khi khai báo về tội phạm tại CQĐT, nghĩa là khi đó người bị hại đang đưa ra các thông tin nhằm buộc tội một ai đó. Tuy nhiên vai trò của người bị hại thường diễn ra khá mờ nhạt và chủ thể thực hiện chức năng buộc tội chủ yếu là VKS. Trong quá trình thực hiện chức năng buộc tội, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án VKS yêu cầu CQĐT tiến hành thực hiện các hoạt động cụ thể nhằm thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ để chứng minh tội phạm và các vấn đề liên quan đến tội phạm và hình phạt. Tại phiên tòa KSV buộc tội thông qua bản cáo trạng, lời luận tội thông qua việc xét hỏi bị cáo, bị hại và những người có liên quan khác cũng như những tranh luận, phản biện với quan điểm của bên bào chữa nhằm bảo vệ cho quan điểm buộc tội của mình trước TA. VKS đóng một vai trò rất quan trọng, xuyên suốt từ đầu cho đến khi kết thúc vụ án, nắm rõ các tình tiết, chứng cứ vụ án, để đảm bảo cho quá trình buộc tội diễn ra một cách khách quan.

Mặc dù, BLTTHS năm 2015 đã đưa ra nhiều quy định mang tính bình đẳng giữa quyền và nghĩa vụ cho các bên tham gia tranh tụng nhưng việc pháp luật quy định cho VKS vừa thực hiện chức năng buộc tội, vừa thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động xét xử. Quy định như vậy là chưa thật sự bình đẳng, bởi VKS là một bên đối trọng với bên gỡ tội, thế nhưng VKS cũng đồng thời là bên kiểm sát sự tuân theo pháp luật của các bên tranh tụng, người tiến hành TTHS trong đó có mình là điều không phù hợp.

Như chúng ta thấy VKS - Kiểm sát viên. CQĐT - Điều tra viên là người chiếm ưu thế trong việc buộc tội, bởi trình độ, năng lực và sự đảm bảo sức mạnh cưỡng chế của nhà nước nên quá trình tranh tụng sẽ khó có sự bình đẳng về mặt địa vị pháp lý giữa hai nhóm chủ thể trên. Chính vì lý do trên, thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong phiên tòa sơ thẩm hình sự đặt ra yêu cầu có sự bình đẳng về địa vị pháp lý giữa các bên để làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Sự bình đẳng, được thể hiện thông qua quy định về quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại và phải được đảm bảo thực hiện một cách đầy đủ, không được vì bất cứ lý do nào để hạn chế sự bình đẳng đó.

BLTTHS năm 2015 ra đời, đã bổ sung các quyền, cho nhóm chủ thể thực hiện chức năng bào chữa để đảm bảo sự bình đẳng đó, được thể hiện như sau:

Chủ thể thực hiện chức năng bào chữa, cụ thể bao gồm: người bị buộc tội và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp; người bào chữa. So với BLTTHS năm 2003 thì BLTTHS năm 2015 bổ sung thêm các chủ thể mà quá trình tham gia của các chủ thể này thể hiện tính tranh tụng được quy định tại điều 55 BLTTHS năm 2015 như: “người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt”. Hoạt động tố tụng đã diễn ra từ rất sớm, ngay từ khi có người bị giữ, bị bắt, đã có sự điều chỉnh của BLTTHS. Pháp luật thừa nhận sự tham gia của các chủ thể trên để có cơ chế điều chỉnh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong quá trình tố tụng mặc khác đảm bảo cho quá trình tố tụng diễn ra một cách phù hợp với nhu cầu thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đặt ra của nguyên tắc tranh tụng.

BLTTHS năm 2015 đã mở rộng hơn đối tượng tham gia bào chữa so với BLTTHS năm 2003. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn hiện nay, số lượng các vụ án có người bào chữa hiện nay còn rất ít, sự mở rộng người bào chữa để quá trình giải quyết vụ án có người tham gia bào chữa nhiều hơn để đảm bảo tính tranh tụng trong xét xử. Quá trình thực hiện chức năng gỡ tội, chủ thể đóng vai trò chủ đạo trong việc gỡ tội là người bào chữa, bởi họ có trình độ, năng lực chuyên môn cao và có sự am hiểu về mặt pháp luật. Song sự tham gia của người bào chữa hiện vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động tranh tụng.

Hiện nay BLTTHS năm 2015 đã bổ sung nhiều quy định về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử vụ án như: Từ điều 58 đến điều 61, đã bổ sung các quy định về quyền của người bị buộc tội được nhận đầy đủ các lệnh, quyết định tố tụng; quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại mình hoặc buộc phải nhận mình có tội bên cạnh quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến như hiện nay; đưa ra các chứng cứ bên cạnh việc đưa ra tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra đánh giá chứng cứ (các điều 58, 59, 60, 61). Ngoài ra, BLTTHS 2015 đã bổ sung cho bị can quyền: *“đọc ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội, hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu; đề nghị giám định, đánh giá tài sản”* theo điểm i, khoản 2 điều 60.

BLTTHS 2015 tại điều 61 cũng đã bổ sung cho bị cáo quyền: *“đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người tiến hành tố tụng tại phiên tòa”* theo điểm d khoản 2 điều 61; và đề nghị Chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được Chủ tọa đồng ý thay vì chỉ có quyền đề nghị hỏi như hiện nay. Các quy định này, đảm bảo cho bị cáo có thể thực hiện quyền tự bào chữa, bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ tranh tụng tại phiên tòa của bị can, bị cáo. Như chúng ta đã biết, đại diện Viện kiểm sát, nhân danh nhà nước thực hành quyền công tố buộc tội bị cáo trước tòa, được tranh luận, được hỏi, nhưng bị cáo lại không được trực tiếp hỏi để làm sáng tỏ sự thực khách quan của vụ án.

Việc quy định như hiện nay, đã khắc phục những hạn chế đó, nhưng vẫn chưa thực sự thuyết phục về tính bình đẳng. Bên cạnh bổ sung quyền, cho người bị buộc tội thì người bào chữa cũng được mở rộng phạm vi các quyền cũng như nghĩa vụ của mình để địa vị pháp lý của các bên được bình đẳng với nhau và được quy định từ điều 72 đến điều 82 của BLTTHS 2015: ...thời điểm có mặt của người bào chữa sớm hơn, được có mặt khi có lấy lời khai của người bị bắt; sau mỗi lần lấy lời khai,

hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, thay vì chỉ được hỏi nếu như ĐTV cho phép như hiện nay; quy định rõ quyền có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác (kê biên tài sản, khám người, khám xét chỗ ở, chỗ làm việc ...); đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; đề nghị tiến hành một số hoạt động tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp do mình bào chữa; đề nghị triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật có liên quan và yêu cầu người tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá. Theo quy định tại điều 73 BLTTHS, trường hợp *người bào chữa không thể thu thập được chứng cứ thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá tài sản.* Tiếp đó, khoản 2 điều 78 BLTTHS 2015 đã thay quy định “*cấp giấy chứng nhận người bào chữa*” thay của BLTTHS 2003 bằng việc “*đăng ký bào chữa*”. Bên cạnh quy định này, điều 257 BLTTHS 2015 còn quy định để đảm bảo sự bình đẳng như sau : “*phòng xử án phải được bố trí thể hiện sự trang nghiêm, an toàn, bảo đảm sự bình đẳng giữa người thực hành quyền công tố và luật sư và người bào chữa khác*”.

Thông qua các quy định phân tích ở trên, chúng ta thấy được sự đảm bảo về mặt địa vị pháp lý mà BLTTHS 2015 quy định cho hai nhóm chủ thể thực hiện chức năng buộc tội và nhóm chủ thể thực hiện chức năng bào chữa. Sự bình đẳng giữa các bên được thể hiện một cách tương đối, chứ không thể đặt ra một yêu cầu bình đẳng tuyệt đối giữa một cơ quan, cá nhân nhân danh nhà nước bảo vệ hiện trong mối tương quan nhất định, đảm bảo được các quyền trong hoạt động TTHS. Suy cho cùng, sự bình đẳng về địa vị pháp lý của các chủ thể tranh tụng trước hết là đảm bảo cho nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo được phát huy, hơn nữa là đảm bảo các quyền con người đã được Hiến pháp quy định và hướng tới xây dựng hoàn thiện Nhà nước quyền xã hội chủ nghĩa, đem lại sự tự do, dân chủ, bình đẳng trong xã hội, đây là nhiệm vụ quan trọng mà Đảng và Nhà nước đặt ra.

1.2.2.2. Quy định về tài liệu, chứng cứ trong vụ án; về đảm bảo sự có mặt của các chủ thể tham gia phiên tòa và trách nhiệm của Tòa án trong việc đảm bảo tranh tụng

Theo điều 26 BLTTHS 2015 như sau: *“Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Viện kiểm sát chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ và hợp pháp. Phiên tòa xét xử vụ án hình sự phải có mặt đầy đủ những người theo quy định của Bộ luật này, trường hợp vắng mặt phải vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan hoặc trường hợp khác do Bộ luật này quy định. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng dân chủ, bình đẳng trước Tòa án”*. Qua quy định trên, những yêu cầu để thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa như sau:

Thứ nhất, các tài liệu chứng cứ, nhân chứng, tài liệu khác trong hồ sơ vụ án do KSV chuyển đến tại phiên tòa phải đầy đủ hợp lệ và hợp pháp. Các quy định về chứng cứ, được quy định từ điều 85 đến điều 108 BLTTHS 2015 và được quy định một cách cụ thể để đảm bảo cho quá trình thu thập, bảo quản theo đúng quy định pháp luật. Nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa đặt ra yêu cầu, chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ khi chuyển đến Tòa án để xét xử phải đầy đủ hợp pháp. Yêu cầu thứ nhất là sự đầy đủ, bởi nếu như chứng cứ chuyển cho Tòa án xét xử mà không đủ buộc tội bị cáo thì quá trình tranh tụng tại phiên tòa sẽ không được đảm bảo, các bên tham gia tranh tụng như VKS và bên gỡ tội khó có thể diễn ra một cách toàn diện và quá trình buộc tội khó khăn. Nhưng cũng đồng thời gây nên sự tổn kém về mặt thời gian và tiền bạc, theo quy định tại điều 13 BLTTHS 2015, nguyên tắc suy đoán vô tội yêu cầu: *“khi không đủ và không thể làm sáng tỏ được căn cứ buộc tội, kết tội theo trình tự thủ tục do Bộ luật này quy định thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải kết luận người bị buộc tội không có tội”*. Chính vì vậy, các tài liệu chứng cứ chuyển đến cho Tòa án phải đầy đủ để buộc tội, nếu không có đủ thì Tòa án phải tuyên người đó vô tội. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy,

khi không đủ căn cứ để buộc tội thì Tòa án thường trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm ảnh hưởng đến quá trình tố tụng.

Yêu cầu thứ hai đó là tính hợp pháp, thỏa mãn thuộc tính thứ nhất, song cũng đồng thời phải thỏa mãn thuộc tính thứ hai, yêu cầu là các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án phải được thu thập hợp pháp. Muốn một tài liệu, đồ vật ... được xem là chứng cứ thì phải thỏa mãn đầy đủ các thuộc tính khách quan, tính hợp pháp và tính liên quan. Vì vậy, BLTTHS 2015 đã có những quy định về những chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án để đảm bảo tính tranh tụng như: Thẩm quyền thu thập chứng cứ, BLTTHS 2015 đã có sự mở rộng chủ thể được quyền thu thập chứng cứ, không chỉ là cơ quan, người tiến hành tố tụng mà còn có cả người bào chữa, người bị kiến nghị khởi tố; người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; người bị tạm giữ; bị can; bị cáo; tại các điều 58-65. Qua đó, chúng ta thấy được việc luật cho phép các chủ thể khác thu thập chứng cứ nhằm hạn chế sự bỏ sót chứng cứ và đảm bảo cho quá trình tranh tụng diễn ra bình đẳng. Chứng cứ, tài liệu hồ sơ vụ án phải được gửi cho Tòa án đầy đủ thì mới đảm bảo được cho quá trình giải quyết vụ án một cách nhanh chóng và đảm bảo tính công bằng, dân chủ và khách quan như yêu cầu đặt ra của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo.

Thứ hai, phiên tòa xét xử phải có sự tham gia đầy đủ những người mà theo quy định bắt buộc họ phải tham gia, trừ trường hợp vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, hoặc theo quy định của luật này. Để đảm bảo tính tranh tụng tại phiên tòa, thì phải có mặt đầy đủ của các chủ thể tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng để quá trình tố tụng có thể diễn ra. Một phiên tòa xét xử, không thể không có VKS tham gia, hoặc không thể không có bị cáo và cả người bào chữa hoặc là Tòa án. Bởi những chủ thể trên là những người đóng vai trò trực tiếp của quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên có thể vì một số lý do khách quan, có thể có hoặc không có sự tham gia của người bào, chữa. Để đảm bảo cho nguyên tắc này, BLTTHS năm 2015 đã có những quy định cụ thể hóa nguyên tắc trên từ Điều 288 đến Điều 295. Yêu cầu đặt ra, đối với những người tiến hành tố tụng như: VKS, Thẩm phán, HTND và Thư ký Tòa án là thành phần bắt buộc tại phiên tòa và trong

mọi trường hợp vắng mặt họ thì phải hoãn phiên tòa. Ở đây chúng ta không xem xét đến trường hợp có người thay thế, bởi thay thế là đã có sự đảm bảo về thành phần.

Đối với chủ thể như bị cáo, người bào chữa, người bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ, người làm chứng... Đối với các chủ thể này thì tùy vào trường hợp mà có thể họ không có mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử như : Bị cáo xin xét xử vắng mặt, bị cáo đang ở nước ngoài và không thể triệu tập .. (Điều 290); đối với người bào chữa, trường hợp vắng mặt lần thứ hai mà người bào chữa được triệu tập hợp lệ, không vì lý do khách quan thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử mà không phải hoãn phiên tòa. Những trường hợp hoãn phiên tòa được quy định tại Điều 297 BLTTHS năm 2015 và được cụ thể hóa khi có những căn cứ tại các Điều 52, 53, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295 và những căn cứ khác được quy định tại Bộ luật này. Như vậy, thông qua những quy định trên chúng ta thấy được rằng, đảm bảo sự có mặt của các chủ thể trên ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án và nếu không có họ thì có thể dẫn đến hoãn phiên tòa và quá trình tranh tụng sẽ không được đảm bảo.

Thứ ba, trách nhiệm của Tòa án đối với các chủ thể tham gia tranh tụng tại phiên tòa, thực hiện tranh tụng dân chủ và bình đẳng. Thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa đã góp phần xác định rõ ràng chức năng, vai trò, nhiệm vụ của Tòa án. Để đảm bảo cho quá trình tranh tụng, nguyên tắc đã đặt ra yêu cầu Tòa án phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho KSV, bị cáo, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tranh tụng một cách dân chủ bình đẳng trước Tòa án. Trong phần trên phân tích sự bình đẳng về địa vị pháp lý của các chủ thể, đó là yếu tố nền tảng, cơ bản, cái mà các chủ thể cần phải có và trách nhiệm của Tòa án là làm sao để cho các quyền này được vận dụng vào quá trình giải quyết vụ án. Nội dung này được cụ thể hóa tại các điều sau; Điều 307 về trình tự xét hỏi, điều 320 trình tự phát biểu khi tranh luận, Điều 322 tranh luận tại phiên tòa.

Về trình tự xét hỏi, BLTTHS năm 2015 đã có thay đổi trong cách quy định về trình tự hỏi và chủ thể được quyền hỏi, việc tham gia xét hỏi không được quy định

một cách cố định ai hỏi trước ai hỏi sau mà do Chủ tọa phiên tòa quyết định theo một trình tự phù hợp. Việc tranh luận tại phiên tòa cũng đã có nhiều thay đổi như: Bị cáo sẽ trình bày lời bào chữa trước và người bào chữa trình bày sau và sau đó bị cáo có quyền bổ sung. Theo tác giả, quy định tại khoản 2 điều 322 BLTTHS 2015 yêu cầu KSV phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa là một quy định vô cùng ý nghĩa đối với thực tiễn hiện nay. Bởi một số KSV tham gia tranh luận rất hạn chế, bảo lưu quan điểm và tranh luận với Luật sư, thậm chí tham vì tranh luận với Luật sư thì quay sang bắt bẻ câu chữ của Luật sư hoặc nên quan điểm về cá nhân Luật sư. Chính vì những lý do trên mà vai trò của Tòa án cần được thể hiện, Chủ tọa phiên tòa yêu cầu KSV phải đối đáp lại những ý kiến của người bào chữa, người tham gia tố tụng, mà những ý kiến đó chưa được KSV tranh luận, khoản 4 Điều 322 còn quy định như sau: *“Hội đồng xét xử phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. ...”*. Nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa đặt ra những nhiệm vụ của Tòa án, trách nhiệm phải làm sao để đảm bảo được sự bình đẳng, tranh tụng một cách dân chủ và công bằng cho các bên. Xác định rõ vai trò của Tòa án, quá trình giải quyết vụ án có thể hiện được tính tranh tụng hay không, kết quả giải quyết có thể hiện được tính khách quan, sự dân chủ và đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không là phụ thuộc vào Tòa án và Tòa án phải có trách nhiệm thực hiện. Nhưng việc BLTTHS 2015 quy định như hiện nay, vẫn còn nhiều hạn chế như chưa có sự phân định rõ ràng chức năng của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Theo quy định tại điều 15 BLTTHS 2015, thì cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ chứng minh tội phạm, như chúng ta đã biết, Tòa án là cơ quan THTT nên Tòa án vẫn phải có trách nhiệm chứng minh tội phạm. Việc quy định như vậy là chưa hợp lý, chưa có sự tách bạch giữa chức năng buộc tội, chức năng xét xử, như vậy thì Tòa án không thể làm trọng tài đứng giữa hai bên vì Tòa án vẫn phải chứng minh tội phạm.

Tiếp theo đó là quyền khởi tố vụ án theo điều 18 BLTTHS 2015, theo quan điểm cá nhân của tác giả, việc Tòa án tiến hành khởi tố vụ án chính là Tòa án đã tiến hành buộc tội và đồng thời thực hiện chức năng xét xử thì không thể đảm bảo được tính khách quan và bình đẳng. Bởi khi tiến hành khởi tố, Tòa án đã xác định và tin rằng hành vi phạm tội xảy ra và khi đưa vụ án ra xét xử, lẽ nào Tòa án lại bác bỏ quan điểm mà mình đã từng khởi tố để tuyên bị cáo vô tội.

Bên cạnh quyền khởi tố, tác giả cho rằng việc luật cho phép Tòa án xét xử vượt quá giới hạn truy tố theo quy định khoản 3 điều 298 BLTTHS 2015 như hiện nay của Tòa án là điều bất lợi cho bị cáo đồng thời làm chệch đi so với chức năng của Tòa án, lúc này Tòa án đã buộc tội chứ không còn là KSV, việc Tòa án xét xử về một tội nặng hơn là không đảm bảo quyền lợi của người bị buộc tội.

Để đáp ứng việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa đòi hỏi phải có sự tham gia của người bào chữa và bị cáo đều là điều cần thiết. Thế nhưng, tại điểm d khoản 2 điều 290 và khoản 1 điều 291 BLTTHS 2015 quy định, phiên tòa vẫn diễn ra khi sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử; Người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử. Làm sao mà Tòa án có thể biết được rằng việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử, điều này chỉ có thể xảy ra khi Tòa án đã chuẩn bị án trước “án bỏ túi”. Vấn đề người bào chữa vắng mặt theo tác giả trong trường hợp này phải cho bị cáo được quyền có tiếp tục phiên tòa hay không, bởi việc người bào chữa vắng mặt làm ảnh hưởng rất lớn đến quyền có người bào chữa của bị cáo.

Cuối cùng tác giả nhận thấy rằng việc Tòa án được quyền trả hồ sơ điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ dùng để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 của Bộ luật này mà không thể bổ sung tại phiên tòa được là không thực sự đúng với yêu cầu đặt ra của thực hiện nguyên tắc tranh tụng đảm bảo trong xét xử tại Điều 26 BLTTHS 2015 và nguyên tắc suy đoán vô tội. Chính vì lý do trên, theo tác giả việc quy định như trên hiện nay vẫn chưa đảm bảo được sự khách quan của

Tòa án trong quá trình xét xử như yêu cầu đặt ra đối với Tòa án việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa khách quan.

1.2.2.3. Quy định về việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ và tranh luận tại phiên tòa

Nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa yêu cầu về việc kiểm tra đánh giá chứng cứ, xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTHS 2015 như sau: *“Mọi chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, ..., quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng và những tình tiết khác có ý nghĩa giải quyết vụ án đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa”*. Nội dung trên của nguyên tắc được cụ thể hóa tại các Điều 108, 320, 321, 322 BLTTHS 2015. Mỗi chứng cứ đều phải được kiểm tra đánh giá để xác định tính hợp pháp, tính xác thực và tính liên quan đến vụ án. Cơ qua, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền phải tiến hành kiểm tra đánh giá mọi chứng cứ về sự đầy đủ, khách quan của vụ án đã được thu thập. Xuất phát từ việc luật cho phép các chủ thể tham gia tố tụng được tiến hành thu thập chứng cứ, tài liệu và đồ vật, nên tại phiên tòa các chủ thể trên được quyền đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật để tranh luận với nhau.

Khoản 1 Điều 322 BLTTHS 2015 được quy định như sau: *“Bị cáo người bào chữa, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra những chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với Kiểm sát viên về những chứng cứ xác định vô tội; ...; những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án”*. Qua nội dung trên chúng ta thấy, pháp luật đưa ra các quyền cho bị cáo, người bào chữa và các chủ thể tham gia tố tụng khác, được quyền đưa ra các chứng cứ để tranh luận với KSV để bảo vệ mình. Đồng thời, chúng ta cũng thấy được sự đầy đủ trong quy định của pháp luật, bởi các vấn đề liên quan đến việc giải quyết vụ án đều được đưa ra

tranh luận một cách toàn diện. Hơn nữa việc quy định như trên, buộc KSV nếu muốn buộc tội bị cáo, phải tiến hành tranh luận, lập luận đưa ra các chứng cứ để tiếp tục phản biện lại để bảo vệ cho cáo trạng buộc tội của mình tránh tình trạng tranh luận hạn chế như hiện nay. Tại Điều 322 BLTTHS năm 2015 đã đặt ra yêu cầu đối với KSV phải tranh luận đến cùng, đối với ý kiến của bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác, Chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên phải đối đáp lại những ý kiến trên và đồng thời có quyền cắt những phần tranh luận không có liên quan hoặc đã trình bày. Qua đó, chúng ta thấy được một quá trình tranh luận toàn diện tại phiên tòa, đó là biểu hiện của tranh tụng, yêu cầu các bên phải tranh luận một cách tích cực, phải làm sáng tỏ được nguyên nhân, điều kiện khách quan để tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Việc thực hiện các yêu cầu trên, nhằm đảm bảo cho nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm thực thi trên thực tế và góp phần hoàn thiện quy trình tố tụng đảm bảo sự bình đẳng, khách quan và phù hợp với chiến lược cải cách tư pháp nước nhà.

1.2.2.4. Quy định về bản án, quyết định của Tòa án

Quyết định, bản án mà Tòa án đưa ra là kết quả sau cùng của quá trình giải quyết vụ án, thể hiện kết quả của toàn bộ quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Tuy nhiên quyết định, bản án đó có chính xác, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và có bị kháng cáo, kháng nghị hay không là phụ thuộc vào ba nội dung mà tác giả đã nêu và phân tích ở trên. Sự bình đẳng về mặt địa vị pháp lý là điều kiện tối cần thiết được đặt ra, bởi muốn tranh tụng bình đẳng thì địa vị pháp lý là điều kiện tối cần thiết được đặt ra, bởi muốn có tranh tụng bình đẳng thì địa vị pháp lý của các bên tham gia tranh tụng cũng phải bình đẳng. Đồng thời các chứng cứ tài liệu phải đầy đủ hợp pháp, phải được đưa ra tranh luận, kiểm chứng, đánh giá một cách toàn diện và vai trò của Tòa án là trách nhiệm quan trọng hơn cả. Nếu Tòa án không đảm bảo được cho các bên tranh tụng một cách bình đẳng thì địa vị pháp lý bình đẳng, hay chứng cứ, tài liệu hợp pháp cũng không thể đảm bảo cho quá trình tranh tụng diễn ra một cách bình đẳng. Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, các bên tham gia phải nhận thức được quyền và nghĩa vụ của mình, phải tích cực tranh

luận và như vậy thì tranh tụng mới phát huy được vai trò của mình. Do đó, Khoản 4 Điều 26 BLTTHS 2015 quy định như sau: “*Bản án, quyết định của Tòa án phải căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa*”. Nội dung trên được cụ thể hóa tại các Điều 299, 326 Bộ luật này. Việc ra quyết định, bản án của Tòa án đều phải thông qua quy trình và phải được đưa vào biên bản phiên tòa và phải đảm bảo tính khách quan. Việc nghị án phải được thực hiện tại phòng nghị án chỉ có thành viên HĐXX mới được tham gia nghị án và HTND biểu quyết trước, Thẩm phán biểu quyết sau. Qua đó chúng ta thấy được, yêu cầu đảm bảo tính khách quan, hạn chế sự phụ thuộc của HTND vào Thẩm phán, đảm bảo cho quá trình giải quyết vụ án được minh bạch phù hợp với yêu cầu đặt ra của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo. Trên cơ sở Điều 13 về nguyên tắc suy đoán vô tội và Điều 26 về đảm bảo tranh tụng trong xét xử thì quyết định, bản án mà Tòa án đưa ra phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa chứ không phải là chỉ dựa vào hồ sơ, cáo trạng của VKS. Quá trình tranh tụng được thể hiện rõ nét nhất khi các chủ thể thực hiện tranh luận, qua tranh luận HĐXX xem xét để từ đó đánh giá thông qua các quy định của pháp luật và bằng kinh nghiệm, niềm tin nội tâm để đưa ra phán quyết cuối cùng. Và tại phiên tòa xét xử khi không thể làm rõ căn cứ để buộc tội, kết tội theo quy định luật định thì phải kết luận người bị buộc tội không có tội.

Bên cạnh những hạn chế thông qua việc phân tích các quy định cụ thể trong mỗi phần tác giả vừa nêu, tác giả vừa phân tích ở trên, tác giả còn nhận thấy những bất cập như sau:

Theo tác giả, về tên nguyên tắc chưa bao quát hết được yếu tố tranh tụng, bởi khi đọc tên điều luật, người đọc sẽ hiểu rằng tranh tụng chỉ được thừa nhận và bảo đảm trong giai đoạn xét xử. Quá trình TTHS không chỉ có mỗi giai đoạn xét xử, mà còn nhiều giai đoạn khác nhau (khởi tố, điều tra, truy tố), mà quá trình giải quyết vụ án là tổng hòa các quá trình, mỗi giai đoạn đóng một vai trò nhất định quyết định đến những giai đoạn tiếp sau. Chúng ta không thể phủ nhận tranh tụng trong những giai đoạn trước đó, lấy yếu tố thẩm vấn để đảm bảo cho yếu tố tranh tụng trong giai

đoạn xét xử. Về nội dung của nguyên tắc chưa thật sự cô đọng và khái quát, bởi tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản của Luật TTHS thì phải đảm bảo được tính cô đọng xúc tích nhưng lại bao hàm hết được những nội dung mà vẫn không dài dòng như hiện nay.

Qua phân tích các dung trên của nguyên tắc và những điều luật cụ thể hóa của nguyên tắc trên, chúng ta thấy được sự liên kết chặt chẽ của các yếu tố mà nguyên tắc đặt ra để đảm bảo tính tranh tụng trong xét xử. Đồng thời, qua đó chúng ta thấy được vai trò của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm chi phối đến quá trình TTHS. Đảm bảo được những yêu cầu đặt ra của nguyên tắc, giúp cho hoạt động tố tụng diễn ra một cách khách quan, công bằng, dân chủ và đảm bảo các quyền về con người. Đáp ứng được nhu cầu đặt ra của thực tiễn xã hội, phù hợp với yêu cầu, tinh thần chiến lược cải cách tư pháp của nước ta đến năm 2020. Tuy nhiên bên cạnh đó, vẫn còn nhiều hạn chế, việc thừa nhận tranh tụng như hiện nay là chưa hợp lý cần phải sửa đổi để phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp, đáp ứng nhu cầu đặt ra của tranh tụng.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1 của luận văn, tác giả tập trung phân tích, giải quyết vấn đề lý luận việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa vụ án hình sự. Cụ thể, đã đưa ra được khái niệm về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa vụ án hình sự. Sau khi đưa ra khái niệm, tác giả phân tích về các đặc điểm của nguyên tắc, nêu lên những ý nghĩa của nguyên tắc đối với quá trình áp dụng. Trong chương này, tác giả đã nêu bật những vấn đề lý luận giúp người đọc hiểu rõ về khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm cũng như xét xử, quá trình phát triển hình thành nguyên tắc tranh tụng, cũng như phân tích quy định pháp luật TTHS hiện nay về áp dụng nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa. Đây là cơ sở lý luận và pháp lý để tác giả đánh giá thực tiễn việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 ở chương 2.

Chương 2

THỰC TIỄN THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TẠI TỈNH NINH THUẬN

2.1 Khái quát về hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2013 - 2017

Trong giai đoạn từ năm 2013 đến 2017, TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận đã thụ lý 13.488 vụ, việc các loại. Đã giải quyết 12938 vụ/13488 vụ (đạt tỷ lệ 95,92%). Trong đó, qua thực tiễn giải quyết án hình sự sơ thẩm, toàn ngành đã thụ lý 2038 vụ/3902 bị cáo đã giải quyết 2025 vụ/3825 bị cáo, đạt tỷ lệ bị cáo giải quyết trung bình 99,36%/năm (xem Bảng 2.1 – Phụ lục).

Phân tích số liệu thống kê hàng năm cho thấy, công tác thụ lý và giải quyết án hình sự sơ thẩm của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017 có sự tăng, giảm không đồng đều giữa các năm. Năm 2013 Tòa án hai cấp đã giải quyết 445 vụ/458 bị cáo đạt tỷ lệ 99,11%/năm; nếu tính tỷ lệ số vụ án đã giải quyết năm 2013 là 100% thì đến năm 2017, tỷ lệ số vụ án đã giải quyết giảm gần 20% và số bị cáo giải quyết giảm 26,34%. Số vụ án và bị cáo biến thiên không đồng đều qua các năm, thể hiện sự diễn biến phức tạp, khó lường của hình tội phạm.

Tỷ lệ giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận trong 05 năm liên luôn đạt tỷ lệ cao, vượt chỉ tiêu TANDTC đề ra. Trong đó, năm 2017 tỷ lệ giải quyết án thấp nhất 98,89%, năm 2015 là năm có tỷ lệ giải quyết án cao nhất 99,76 %. Tòa án hai cấp tỉnh Ninh Thuận không có vụ án hình sự giải quyết quá hạn theo luật định, chất lượng giải quyết các vụ án hình sự đạt kết quả cao, án bị hủy và bị sửa thấp, kết quả xét xử đáp ứng được yêu cầu đặc ra nhằm đấu tranh và phòng chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên toàn tỉnh Ninh Thuận.

Về tình hình xét xử sơ thẩm án hình sự có luật sư tham gia tranh tụng tại Tòa gia tăng theo từng năm. Nếu như năm 2013 xét xử 445 vụ thì có 103 Luật sư (chiếm tỷ lệ 23,15%) thì đến năm 2017 số vụ án xét xử có Luật sư tham gia là 356 vụ/180 luật sư (chiếm tỷ lệ 50,56%) (xem Bảng 2.2 – Phụ lục).

2.2. Những thành quả đạt được trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận

Tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động TTHS, là yêu cầu cấp bách trong việc đảm bảo tính công bằng dân chủ giữa các bên buộc tội, luật sư, người bào chữa với KSV, là căn cứ để xác định sự thật của vụ án, là cơ sở để HĐXX đưa ra bản án khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Nghị quyết số 08-NQ/TW được ban hành xác định: *“Nâng cao chất lượng công tố của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với Luật sư. Khi xét xử, Tòa án phải đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ khách quan, ..., phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người bào chữa”*.

Thực tiễn về việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa vẫn còn nhiều hạn chế nhất định, sau đây tác giả trình bày những thành quả đạt được tại Tòa án hai cấp tỉnh Ninh Thuận.

Một là, thực tiễn áp dụng về sự bình đẳng của các bên tham gia tranh tụng.

Sự bình đẳng của các bên tham gia tranh tụng, không chỉ là các quyền của các bên tham gia tranh tụng được Luật quy định mà còn khả năng áp dụng các quyền này trên thực tế và vai trò của Tòa án trong việc đảm bảo cho các bên sử dụng các quyền một cách hiệu quả. Trong những năm vừa qua, kể từ sau khi các Nghị quyết của Bộ chính trị ra đời về chiến lược cải cách tư pháp, các cơ quan như VKS, TA và những người tham gia tố tụng đã nhận thức được vai trò của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án ngày càng nhanh chóng hơn, bên buộc tội và bên bào chữa, có sự bình đẳng với nhau hơn về các quyền cũng như nghĩa vụ và vai trò của TA ngày càng được phát huy. Sự bình đẳng của các bên được thể hiện thông qua các quyền, bên cạnh đó sự tham gia của người bào chữa để thực hiện các quyền góp phần tạo nên sự bình đẳng là điều không thể thiếu.

Trong những năm qua, số lượng các vụ án có Luật sư tham gia bào chữa ngày càng tăng cụ thể như sau: theo thống kê năm 2013 có khoảng 103/445 vụ có Luật sư, người bào chữa tham gia, chiếm 23,15% số vụ đã xét xử; năm 2014 số vụ tăng lên là đến 160/420 vụ án có người bào chữa, Luật sư, chiếm 38,10% số vụ đưa ra xét xử, năm 2015, 2016, 2017 số vụ án xét xử có Luật sư tăng lên (xem Bảng 2.2 - Phụ lục). Nghị quyết số 37, ngày 23/11/2012 quy định thêm: “*Kiểm sát viên phải chủ chủ động, tích cực tranh luận, đối đáp tại phiên tòa xét xử các vụ án hình sự ...*”. Kể từ đây, hoạt động tranh tụng của KSV tại các phiên tòa hình sự đã đạt nhiều kết quả đáng khích lệ, KSV đã tích cực trong việc xét hỏi tranh luận cùng HĐXX để tìm ra sự thật khách quan của vụ án, VKS cũng dần nhận thức được vị trí, vai trò của mình, tích cực tham gia tranh tụng một cách bình đẳng với bên bào chữa, tình trạng áp đặt, hoặc lấy lý do nhân danh nhà nước mà không tranh luận hoặc giữ nguyên qua điểm khi tranh luận với Luật sư. Điều đó góp phần làm cho quá trình tranh tụng được bình đẳng hơn giữa các bên, TA giữ vai trò điều hành phiên tòa, đã đề nghị VKS tranh luận lại với Luật sư để làm rõ vấn đề khi KSV từ chối tranh luận và né tránh những câu hỏi khó của Luật sư và những người tham gia tố tụng khác cũng như tranh luận lại quan điểm của Luật sư. Điểm tiến bộ này phần nào được minh chứng qua phiên tòa xét xử vụ án “*trộm cắp tài sản*” xảy ra trên địa bàn huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung vụ án tóm tắt như sau:

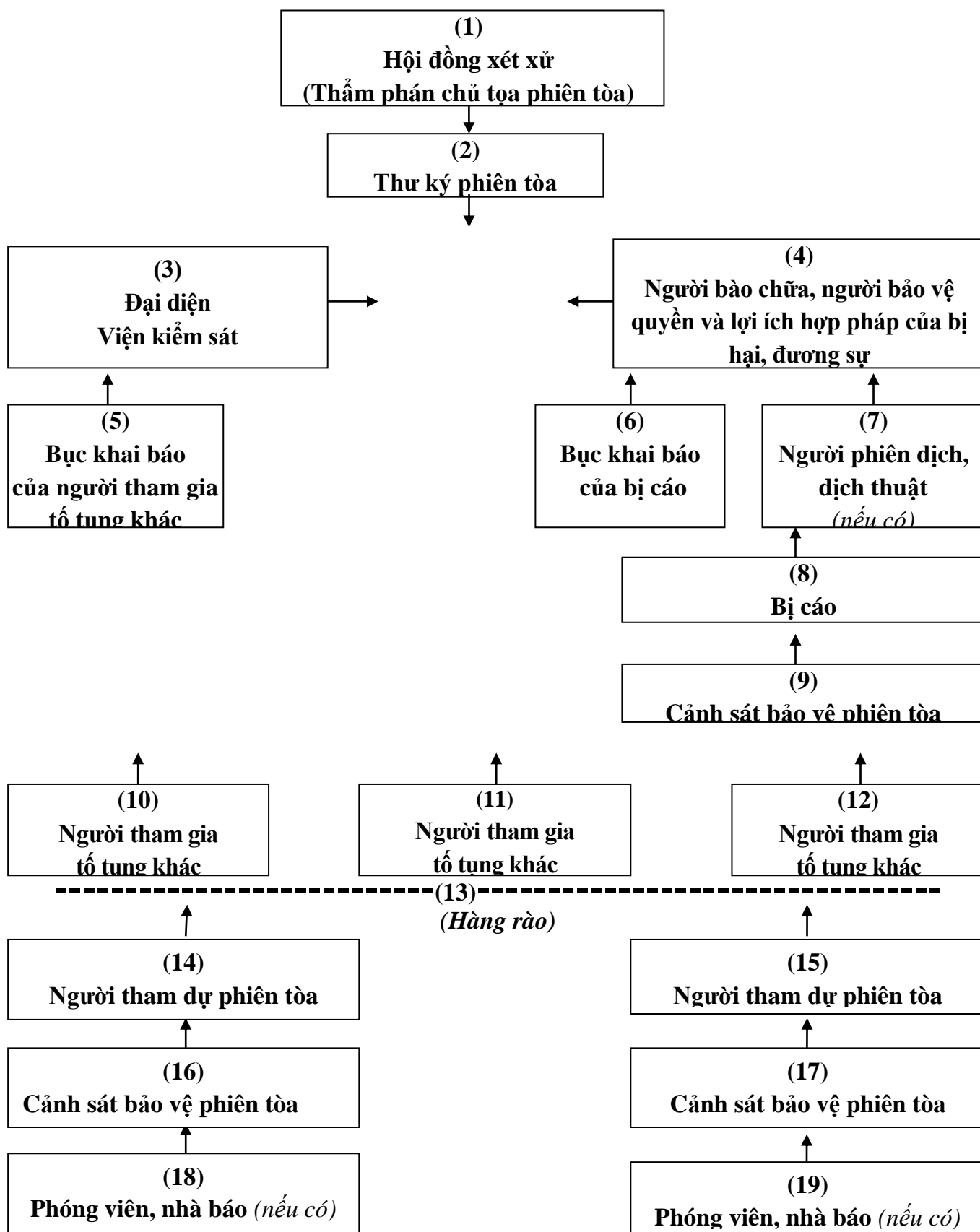
Đêm 02/02/2017, Lê Anh Duy đến nhà bạn gái là Nguyễn Thị Hoàng ở Láng Me, Bắc Sơn, Thuận Bắc chơi. Khoảng 01 giờ ngày 03/02/2017 Duy đi sang nhà chị Dương Thị Linh, ở cùng thôn, xin nước đá uống. Khi vào nhà Duy thấy chị Linh đang ngủ trong phòng, trên đầu giường có 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu trắng hồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài. Duy đến chỗ để điện thoại thì phát hiện thêm 01 điện thoại di động hiệu Oppo R1 màu đen đang sạc pin. Duy chiếm đoạt cả 02 điện thoại bỏ vào túi quần rồi về nhà chị Hoàng.

Sáng cùng ngày, chị Linh thức dậy phát hiện bị mất 02 điện thoại nêu trên nên trình báo cơ quan chức năng xử lý. Cơ quan Điều tra đã nhanh chóng tìm ra thủ phạm, thu hồi 02 điện thoại trả lại cho người bị hại.

Trong phần tranh luận, KSV và Luật sư đều thống nhất ý kiến về định tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Luật sư bào chữa cho bị cáo Duy còn đề nghị thêm tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại và tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 BLHS” và tranh luận với KSV về quan điểm này. TA yêu cầu KSV đưa ra quan điểm tranh luận lại nhưng KSV không tranh luận và bảo lưu quan điểm.

Và hiện nay tại Tòa cũng đã thay đổi vị trí các chỗ ngồi trong HĐXX cho phù hợp với các chủ thể tranh tụng. Mô hình Tòa án xét xử hình sự sơ thẩm đã được thay đổi theo hướng KSV và người bào chữa ngồi ngang hàng, đối diện nhau; không giống như trước đây là KSV ngồi trên bục cao hơn NBC, nhưng ngang hàng với HĐXX.

Sơ đồ phòng xét xử vụ án hình sự (theo thông tư 01/2017/TT-TANDTT)



Hai là, thực tiễn áp dụng về việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ và tranh luận tại phiên tòa và vai trò của Tòa án.

Kể từ sau khi Nghị quyết 49 của Bộ chính trị ra đời, đặt ra vấn đề về chiến lược cải cách tư pháp nhằm nâng cao tính tranh tụng tại phiên tòa, việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ và tranh luận tại phiên tòa đã đạt những hiệu quả đáng kể. KSV đã làm tốt đề cương xét hỏi, chuẩn bị các chứng cứ, kiểm tra đánh giá chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ (đối với phiên tòa sơ thẩm), các chứng cứ xoay quanh kháng cáo, kháng nghị (đối với phiên tòa phúc thẩm). KSV đã chuẩn bị các phương pháp xét hỏi để làm rõ hơn các chứng cứ, tài liệu thu thập được nhằm đấu tranh với những người tham gia tố tụng khi họ khai thác với tài liệu điều tra và diễn biến tại phiên tòa. Việc kiểm tra đánh giá chứng cứ một cách kỹ càng, tuân thủ theo những quy định của pháp luật của CQĐT, VKS đã góp phần nâng cao số lượng vụ án được TA chấp nhận qua điểm khi đưa ra xét xử, được thể hiện thông qua các số liệu sau:

Trong 5 năm (2013-2017), toàn tỉnh Ninh Thuận đã thụ lý 2038 vụ án với 3902 bị cáo. Trong số đó đã xét xử 2025 vụ/3825 bị cáo. Tòa án đã chấp nhận quan điểm của VKS đối với 1993 vụ, đạt tỷ lệ 98,42% (xem Bảng phụ lục 2.5). Qua những số liệu trên chúng ta thấy được việc kiểm tra đánh giá chứng cứ để buộc tội là một trong những khâu quan trọng và việc kiểm tra đánh giá góp phần đảm bảo các yêu cầu tranh tụng đặt ra.

Chất lượng tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa hình sự sơ thẩm cũng ngày càng được nâng cao. KSV nghiên cứu kỹ hồ sơ, nghiên cứu kỹ căn cứ pháp luật, ghi chép diễn biến và những ý kiến mới phát sinh tại phiên tòa. KSV đối đáp làm rõ từng vấn đề mà Luật sư, NBC đưa ra có căn cứ, phản bác lại toàn bộ quan điểm của Luật sư, NBC.

Một số luật sư bào chữa bị cáo có trách nhiệm rất cao nghiên cứu chi tiết hồ sơ vụ án để tìm ra các chứng cứ gỡ tội, tìm các tình tiết có lợi để đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Luật sư tham gia đặt nhiều câu hỏi cho bị cáo, người liên quan và những người tham gia tố tụng khác nhằm tìm những chứng cứ gỡ tội để bảo vệ cho

bị cáo. Luật sư bào chữa tìm ra những vi phạm thủ tục tố tụng hình sự cũng như hướng dẫn bị cáo, người nhà bị cáo hoặc đối với Luật sư bào chữa cho người chưa thành niên có thể làm đơn kháng cáo bản án khi quyết định bản án sơ thẩm là chưa phù hợp quy định pháp luật, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp đối với thân chủ, bị cáo và trong nhiều trường hợp luật sư đã thực hiện tốt trách nhiệm bào chữa và quyền kháng cáo của mình.

Ví dụ, vụ án “cướp tài sản” xảy ra trên địa bàn huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận, nội dung vụ án:

Khoảng 17 giờ ngày 21.05.2010, tại nhà Nguyễn Văn Hưng (ở Tân Sơn, huyện Ninh Sơn) Nguyễn Văn Tuấn, Lê Văn Đào, Huỳnh Ngọc Chương, Nguyễn Đình Kha và Dương Văn Quốc Phong cùng nhau uống rượu. Tòa gợi ý lên Bắc Ái bắt trộm gà, cả nhóm đồng ý. Khi đi, Tuấn và Phong mỗi người mang 01 con dao thái lan; Hoàng lái xe máy chở Phong; Kha lái xe chở Tuấn và Đào; Chương lái xe chở Huỳnh.

Khi đến khu vực xã Phước Thắng, huyện Bắc Ái, nhìn thấy một nhóm thanh niên cầm điện thoại di động nghe nhạc, Kha thôi đi cướp điện thoại, cả bọn đồng ý và lái xe chạy tới chỗ các thanh niên đang ngồi. Hoàng, Kha, Chương ngồi trên xe nô máy chờ sẵn. Đào, Tuấn, Huỳnh, Phong xuống xe. Nhóm thanh niên hoảng sợ bỏ chạy. Riêng chị Pi Nhung đang cầm điện thoại hiệu Sony G2304 (mượn của anh Pi Thiết) nghe nhạc, không kịp chạy, bị Phong và Tuấn cầm dao chặn lại. Phong nói đưa điện thoại đây. Nhung cất điện thoại vào túi áo thì bị Phong cầm tay kéo ra, Tuấn đứng sau lấy điện thoại, xong cả bọn lên xe chạy.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm của TAND huyện Bắc Ái, Luật sư tranh luận xác định có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì xác định sai người bị hại nhưng KSV, cũng như TP không chấp nhận và cho rằng không có vi phạm xác định sai đối tượng, đã tuyên bị cáo Lê Văn Đào phạm tội cướp tài sản. Sau đó Luật sư đã kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do bị là người chưa thành niên.

TAND tỉnh Ninh Thuận xử phúc thẩm xét kháng cáo của luật sư, người nhà của bị cáo là đúng, do đó đã hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số của TAND huyện Bác Ái

Trong quá trình tranh luận, trong nhiều vụ án Luật sư cũng đã phân tích phản bác, đối đáp tranh luận lại với quan điểm cũng như các trình tiết giảm nhẹ cho bị cáo của VKS và những người tham gia tố tụng được HĐXX chấp nhận.

Trong vụ án “*trộm cắp tài sản*” xảy ra trên địa bàn huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận nêu trên, trong phần tranh luận, Luật sư bào chữa cho bị cáo Duy còn đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại và tài sản chiếm đoạt có giá trị không lớn quy định tại điểm g khoản 1 điều 46 BLHS*” và tranh luận với KSV về quan điểm này. Cuối cùng quan điểm của Luật sư đã được HĐXX chấp nhận.

Vai trò của TA ngày càng được nâng cao, chính từ việc nhận thức vị trí, vai trò có sự phân biệt chức năng của mình một cách rõ ràng. Tòa án đã thực hiện chức năng xét xử một cách tốt nhất, thông qua việc tạo điều kiện cho các bên tham gia tranh luận tại phiên tòa, đề nghị đại diện VKS tham gia tranh luận, đối đáp những câu hỏi của bên bào chữa và những người tham gia tố tụng khác và đưa ra bản án, đúng người đúng tội, đúng pháp luật, tình trạng oan sai giảm dần qua các năm. Số lượng án tồn đọng qua các năm cũng rất hạn chế, tình trạng kéo dài thời gian giải quyết vụ án cũng được hạn chế và vai trò của TA ngày càng được phát huy.

Ba là, thực tiễn áp dụng quy định về việc ra bản án, quyết định.

Khi các Nghị quyết của Bộ chính trị ra đời, đã đặt ra vấn đề về chiến lược cải cách tư pháp và việc thừa nhận tranh tụng trong Hiệp pháp 2013, các bản án của TA ngày càng được nâng cao và hạn chế được tình trạng bị sửa đổi hoặc hủy bỏ. TA hai cấp đã bắt đầu nhận thức được vai trò quan trọng của mình trong việc nhân danh nhà nước thực hiện chức năng xét xử. Nhận thức và đánh giá được vai trò của mình, công tác xét xử và đưa ra các quyết định của TA ngày càng được hoàn thiện, tỉ lệ án bị hủy giảm qua các năm. Theo thống kê trong 5 năm (2013-2017), tỷ lệ án hình sự bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của thẩm phán là rất thấp lần lượt là: 1,35% (năm 2013),

0,95% (năm 2014), 0,95% (năm 2015), 0,52% (năm 2016) và 0,56% (năm 2017) (xem Bảng 2.5 - Phụ lục). Qua những số liệu trên, chúng ta thấy được chất lượng xét xử của TA ngày càng được nâng lên, biểu hiện là các vụ án bị sửa, hủy liên tục giảm và chiếm một tỷ lệ nhỏ qua các năm.

2.3. Những hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận và nguyên nhân

2.3.1. Những hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận cho thấy ngoài những thành quả đạt được thì vẫn còn nhiều hạn chế cụ thể sau đây:

Một là, sự bình đẳng của các bên tham gia tranh tụng vẫn còn nhiều mặt chưa được đảm bảo và vai trò của Tòa án vẫn chưa được phát huy hết. Trước hết là do hệ thống các quy định về sự bình đẳng của các bên tranh tụng vẫn chưa được hoàn thiện, các quyền của bên bị buộc tội vẫn còn hạn chế chưa tương xứng với quyền của bên buộc tội. Các quyền của người bị buộc tội, người bào chữa vẫn còn hạn chế, cụ thể như các quyền về thu thập chứng cứ, người bị buộc tội không được tham gia hỏi và đối tượng được bào chữa bắt buộc còn hạn hẹp, sự tiếp cận giữa Luật sư với người bị buộc tội, với tài liệu chứng cứ hồ sơ và thời điểm tham gia của Luật sư là rất trễ. Bên cạnh số vụ án có Luật sư tham gia bào chữa trong các vụ án vẫn còn hạn chế, người được tham gia bào chữa vẫn còn ít, người được quyền đề nghị người bào chữa cho người bị buộc tội vẫn còn hạn chế và thủ tục để tham gia bào chữa còn rắc rối làm khó Luật sư tham gia bào chữa, nhiều khi không được sự chấp nhận của cơ quan có thẩm quyền. Chức năng của TA chưa có sự phân định rõ ràng, vẫn còn buộc tội thay cho VKS, vẫn là một cơ quan có trách nhiệm chứng minh, quá trình xét hỏi của TA đa phần vẫn nhằm để buộc tội bị cáo, quá trình xét xử TA thường nghiên cứu về cáo trạng truy tố của VKS.

Ví dụ, vụ án “giết người và cố ý gây thương tích” xảy ra tại huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, tóm tắt như sau: Phan Thanh Khải có mâu thuẫn với vợ

chồng Sơn, Viên do vay tiền, Sơn có nhờ Phong, Dương đòi tiền dùm. Vào chiều 21/01/2016 Phong rủ thêm Dương, Duy, Bảo, Vĩnh đến nhà của Khải thì xông vào nhà đánh người của Khải đang ngồi ăn cơm và uống nước, sau đó nhóm của Khải bỏ chạy tìm hung khí đánh lại nhóm của Phong, làm Vinh tử vong, gây thương tích cho Dương 37%, Duy 11%, Bảo 02%.

Khi vụ án hình sự đưa ra xét xử sơ thẩm tại TAND tỉnh Ninh Thuận. Trong quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa rất nhiều tình tiết mâu thuẫn, bị Cơ quan điều tra đưa giấy trắng cho những người chứng kiến vụ việc ký trước, không biết nội dung như thế nào và VKS cho đây là vụ án giết người đồng phạm còn quan điểm các luật sư bào chữa là cho đây là không phải đồng phạm do nhóm của Phong chủ động kéo tới nhà Khải, nhóm của Khải không có chủ động và không biết trước thời điểm nào nhóm của Phong kéo đến.... Lập luận của VKS đưa ra không thiết phục nên TA đã trả lại hồ sơ để làm rõ thêm. Trong phiên xử lại VKS vẫn bảo lưu quan điểm như lần đầu, các Luật sư tranh luận lại vấn đề có đồng phạm hay không nhưng VKS không tranh luận lại và bảo lưu quan điểm như cáo trạng, nhưng cuối cùng HĐXX lại chấp nhận quan điểm của VKS và tuyên nhóm của Khải phạm tội giết người và cố ý gây thương tích.

Thông thường chỉ có các vụ án mà TA mời luật sư tham gia với vai trò là luật sư bào chữa chỉ định thì TA mới tạo điều kiện cho Luật sư tranh luận bình đẳng với KSV, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Luật sư bào chữa bảo vệ cho bị cáo. Theo thống kê các vụ án sơ thẩm của tỉnh Ninh Thuận mà bị cáo là người chưa thành niên và các bị cáo có khu hình phạt từ 20 năm, chung thân và tử hình thì đa phần là đều có luật sư chỉ định và đa số luật sư tham gia phần tranh tụng chủ yếu làm giảm nhẹ khung hình phạt cho bị cáo, cụ thể số liệu vụ án luật sư tham gia án chỉ định từ năm 2013 đến năm 2017 có 327 vụ án chỉ định so với tổng số vụ án có luật sư tham gia 788, chiếm 32,98% vụ án có luật sư tham gia và số với vụ án đã giải quyết 2025, chiếm 13,93% vụ án đã giải quyết (xem Bảng 2.3, 2.4 - Phụ lục)

Hai là, bên cạnh những mặt đã đạt được trong công tác kiểm tra, đánh giá chứng cứ và tranh luận tại phiên tòa, vẫn còn những hạn chế đáng quan tâm làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng tranh tụng, vai trò của TA chưa thực sự phát huy:

Trong vụ án “*Cướp tài sản*” xảy ra trên địa bàn huyện Bắc Ái, tỉnh Ninh Thuận nói trên. Bản án sơ thẩm của TAND huyện Bắc Ái, đã bị TAND tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm hủy bản án.

Trong vụ án nói trên VKS khi thực hành quyền công tố cũng như Tòa án khi đưa vụ án ra xét xử đã không quan tâm đến công tác kiểm tra, đánh giá chứng cứ, cũng như việc tranh luận, ý kiến, quan điểm của luật sư đưa ra những sai phạm như: vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác định sai người bị hại

Qua đó chúng ta thấy, công tác kiểm tra, đánh giá chứng cứ của VKS, TA còn lơ là, sơ xuất mà ở đây là chưa có sự nghiêm túc trong công tác của mình. KSV vẫn chưa nghiên cứu kỹ các chứng cứ buộc tội và gỡ tội, chưa đánh giá các chứng cứ một cách rõ ràng và những mâu thuẫn trong vụ án. Tòa án vẫn đưa vụ án ra xét xử, các chứng cứ không được kiểm tra đánh giá.

Bên cạnh ví dụ trên, vụ án Nguyễn Ngọc Sơn bị truy tố về tội giết người với vai trò đồng phạm xảy ra trên địa bàn Tp. Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận năm 2013, từng gây xôn xao dư luận trong những năm trước đây, khi xét xử sơ thẩm bị cáo liên tục kêu oan nhưng Tòa án tỉnh Ninh Thuận vẫn tuyên bị cáo Sơn phạm tội giết người với vai trò đồng phạm và tuyên án 18 năm tù. Sau đó bị cáo kháng cáo và đã bị Tòa cấp cao hủy án điều tra lại.

Hạn chế nêu trên cho thấy, mục tiêu tranh tụng là để làm thấy rõ sự thật khách quan của vụ án. Tuy nhiên KSV, TA đã chưa làm hết trách nhiệm, vai trò của mình, điều đó đã dẫn đến tranh tụng trong quá trình giải quyết không được thực hiện, vai trò của TA cũng không phát huy được vai trò của mình và hậu quả xảy ra một số vụ án oan sai như hiện nay.

Bên cạnh đó một số phiên tòa KSV ngại xét hỏi, ngại tranh luận khiến phiên tòa diễn ra tẻ nhạt, chủ tọa phiên tòa kiêm diễn viên chính “độc diễn”. KSV tuy không hẳn từ chối tranh luận, nhưng né tránh những câu hỏi khó của những người

tham gia tố tụng, tình trạng này xảy ra ngay cả trong những vụ án phức tạp, nhiều bị cáo, người bị hại và nhiều Luật sư tham gia. Chất lượng tranh luận tại phiên tòa phụ thuộc vào bên buộc tội (KSV, bị hại ...), bên gỡ tội (người bào chữa, bị cáo ...), thế nhưng việc KSV từ chối, né tránh tranh luận chiếm một phần và phần còn lại là do hiện nay số vụ án có người tham gia bào chữa chỉ chiếm khoảng 38,91% số vụ án được đưa ra xét xử, được thể hiện thông qua số liệu sau: Theo thống kê trong 05 năm (từ 2013 đến 2017) đối với sơ thẩm hai cấp của TAND tỉnh đã thụ lý tổng số 2038 vụ trong đó đã xét xử 2025 vụ, trong tất cả các vụ án đã xét xử thì chỉ có 788 vụ án có Luật sư tham gia bào chữa. Đa phần các vụ án theo quy định của pháp luật cần phải có luật sư thì cơ quan tiến hành tố tụng mới mời luật sư tham gia dưới dạng án chỉ định. Luật sư là chủ thể tham gia tranh luận trực tiếp, đóng vai trò chủ đạo là bên có thể đối trọng với KSV, còn bị cáo đa số là những người có ít hiểu biết về pháp luật. Nên việc phiên tòa không có Luật sư tham gia là một trong những lý do dẫn đến không có hoặc sự tranh tụng, tranh luận hiện nay là rất hạn chế tại các phiên tòa. Sự hạn chế trong tranh luận còn được thể hiện ở việc KSV và Luật sư không tập trung vào những nội dung chính, mà hai bên chỉ tranh luận chung chung. KSV chưa tập trung vào việc lấy tranh luận làm mục đích tìm ra sự thật của vụ án mà còn bao che, khắc phục cho những sai sót trong quá trình truy tố xét xử.

Không ít trường hợp KSV làm thay, lấn sân sang chức năng điều khiển phiên tòa của Chủ tọa (nhắc nhở không cho phép Luật sư tiếp tục đối đáp, tranh luận, yêu cầu cảnh sát tư pháp giữ gìn trật tự phiên tòa...) và cho rằng KSV đang làm nhiệm vụ kiểm sát xét xử tại phiên tòa. HĐXX đóng vai trò điều khiển phiên tòa thông qua thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thế nhưng khi xét xử Chủ tọa phiên tòa để cho KSV lấn sân làm thay nhiệm vụ của mình. Chính những lý do trên, vai trò của TA bị mờ nhạt, phiên tòa không thể đảm bảo tính tranh tụng như yêu cầu của chiến lược cải cách tư pháp.

Ba là, quá trình áp dụng BLTTHS các năm qua, thực tiễn đã bộc lộ những hạn chế của TA trong quá trình giải quyết vụ án, chưa đảm bảo được tính tranh tụng trong quá trình xét xử vụ án. Tòa án chưa thực sự nhận thức đúng về vai trò của

mình, không chỉ là có chức năng xét xử mà đôi khi TA còn thực hiện thay cho chức năng VKS. Để đảm bảo cho hoạt động tranh tụng diễn ra một cách bình đẳng, dân chủ, khách quan thì TA phải đóng vai trò là “trọng tài” là người đứng giữa phân xử cho chức năng buộc tội, chức năng gỡ tội và tạo điều kiện cho các chủ thể trên tham gia tranh tụng bình đẳng với nhau. Tuy nhiên, qua thực tiễn tranh tụng tại phiên tòa, trong nhiều vụ án, HĐXX lại đứng ra bảo vệ cáo trạng và buộc tội thay cho KSV.

Trong phần thủ tục xét hỏi tại phiên tòa, HĐXX còn đặt những câu hỏi mang tính buộc tội bị cáo, việc để cho HĐXX hỏi trước hết các vấn đề như hiện nay, làm ảnh hưởng đến quá trình buộc tội của VKS. Bởi trong nhiều phiên tòa, HĐXX hỏi hết tất cả, nên VKS không tiến hành hỏi gì thêm. Thêm phần số lượng người bào chữa tham gia bào chữa trong các vụ án hình sự rất hạn chế, nên vai trò của TA cũng không được phát huy chỉ lắng nghe được lời buộc tội của VKS mà không có sự tranh luận lại của bên gỡ tội. Chính những nguyên nhân trên, đã dẫn đến nhiều quyết định, bản án hiện nay của TA không dựa vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và làm tăng số lượng án bị sửa đổi hoặc bị hủy bỏ. Số lượng án hủy bỏ từ năm 2013-2017 vẫn còn, năm 2013 là 1,35% năm 2014 là 0,95% ,năm 2015 là 0,95%, năm 2017 0,56% (xem Bảng 2.5 - Phụ lục). Như vụ cướp tài sản xảy ra tại huyện Bắc Ái và vụ án giết người của Nguyễn Ngọc Sơn đã bị Tòa cấp phúc thẩm tuyên Hủy bản án hình sơ thẩm.

Chúng ta thấy được rằng thực tiễn áp dụng BLTTHS 2003 khi chưa có sự thừa nhận của nguyên tắc tranh tụng, yêu cầu HĐXX khi đưa ra bản án, quyết định phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì nhiều vụ án TA chỉ dựa vào cáo trạng để quyết định số phạt bị cáo. Chính sự chủ quan, phụ thuộc và VKS, TA đã đưa ra những bản án thiếu tính thuyết phục, không nghiên cứu được hết các quy định của pháp luật, dẫn đến oan sai, tăng hình phạt và gây ra những hậu quả nghiêm trọng không chỉ về tiền bạc và còn ảnh hưởng đến danh dự và nhân phẩm của bị cáo và gia đình.

Ví dụ: vụ án “*Cướp tài sản*” xảy ra tại huyện Bắc Ái, nội dung vụ án:

Buổi tối, ngày 13/7/2013, Chamalé Hào, Pi Quân, Pinăng Tường, Kato Xung, Pinăng Hoan, Kato Chúc, Kapi Ấm, Chamaléa Thiêng sau khi đã uống rượu. Kato Chúc rủ mọi người ra đầu thôn Ha Lá Hạ đi trộm lấy tiền để tiếp tục nhậu.

Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày Xung, Quân, Tường, Hào đi bộ xuống ngôi nhà hoang ở cuối thôn Ha Lá Hạ. Khi đến ngôi nhà hoang thì gặp ông Đào Văn Khánh và bà Nguyễn Thị Xuân dắt xe mô tô từ ngôi nhà hoang ra. Thấy vậy, Quân hỏi ông Khánh đi đâu và có lời qua tiếng lại, sau đó xin tiền, Ông Khánh không cho thì Quân, Xung, Tường nhặt mỗi người 01 cục gạch, Hào cầm dép vây quanh ông Khánh và bà Xuân. Kato Xung dùng gạch ném vào đầu ông Khánh, ông Khánh đưa tay lên đỡ thì trúng vào tay và thủng 01 lỗ trên mũ bảo hiểm. Sợ bị đánh tiếp nên bà Xuân lấy tiền đưa cho Kato Xung 60.000đ. Cả nhóm để cho ông Khánh, bà Xuân đi.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho các bị cáo Pinăng Tường và Kato Xung đã đưa ra quan điểm tranh luận như theo điểm b tiểu mục 11.1 mục 11 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. cần phải xem xét tránh nhiệm hình phạt cho từng bị cáo cho phù hợp theo quy định của pháp luật. Nhưng KSV không nắm được hết quy định pháp luật vẫn bảo lưu quan điểm của mình. HĐXX không lắng nghe ý kiến quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo và chỉ theo quan điểm, cáo trạng của KSV.TAND huyện Bắc Ái tuyên các bị cáo phạm tội “*Cướp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Quân 39 tháng tù; Hào 36 tháng tù; Xung 39 tháng tù; Tường 36 tháng tù.

Sau đó Luật sư hướng dẫn cho các bị cáo và người đại diện hợp pháp làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Tòa phúc thẩm TAND tỉnh Ninh Thuận xét xử nhận định đối với bị cáo Kato Xung khi phạm tội chưa đủ 17 tuổi và bị cáo Pinăng Tường khi phạm tội chưa đủ 15 tuổi nhưng Tòa cấp sơ thẩm chưa căn cứ vào *điểm b tiểu mục 11.1 mục 11 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao* . Từ những phân tích đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Pinăng Tường đồng ý quan điểm bảo vệ của Luật sư sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm TAND huyện Bắc Ái.

2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận

Qua quá trình nghiên cứu đề tài, quá trình áp dụng BLTTHS 2003 và phân tích những thành quả đạt được, hạn chế, tác giả rút ra được những nguyên nhân, lý do thực tiễn hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận:

Thứ nhất, xét về mặt thể chế, BLTTHS 2003 chưa có quy định nào thừa nhận nguyên tắc tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản. Đây vừa được xem là một bất cập, vừa là nguyên nhân làm cho quá trình thực hiện tranh tụng trong TTTHS Việt Nam còn nhiều hạn chế. Việc không thừa nhận nguyên tắc tranh tụng một cách chính thức, làm cho các chủ thể là cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người bào chữa, bị can, bị cáo ... chưa nhận thức được vị trí, vai trò và chức năng của mình trong quá trình tham gia TTTHS. Chính vì lý do trên, đã dẫn đến tranh tụng không được thừa nhận và áp dụng trong quá trình TTTHS làm ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng hiện nay.

Thứ hai, trong khoa học pháp lý hiện nay, về mặt nhận thức, các nhà khoa học, những người làm công tác thực tiễn như Thẩm phán, KSV, Điều tra viên, Luật sư ... đều chưa có sự thống nhất quan điểm về tranh tụng tại phiên tòa. Điều này, đã làm ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại phiên tòa trong suốt thời gian qua. Do tranh tụng chưa được thừa nhận là một nguyên tắc cơ bản, nên chưa được luật hóa đã dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau về tranh tụng tại phiên tòa. Có ý kiến cho rằng, tranh tụng chỉ xuất hiện trong phần tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến khác cho rằng, tranh tụng xuất hiện khi bắt đầu khai mạc phiên tòa và kết thúc khi TA công bố bản án. Về chủ thể tham gia tranh tụng, vấn đề này cũng gây nhiều tranh cãi. Chính vì chưa có sự thống nhất về cách hiểu, cách nhìn nhận về nguyên tắc tranh tụng nên trong thời gian qua vấn đề về áp dụng tranh tụng trong quá trình TTTHS vẫn còn nhiều hạn chế chưa đem lại hiệu quả.

Thứ ba, việc nhận thức về vị trí, vai trò và trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các KSV, Thẩm phán đều cho rằng mình là

người nhân danh nhà nước, mang nặng tính quyền lực nhà nước, đã đặt mình cao hơn so với những người tham gia tố tụng như bị can, bị cáo, người bào chữa... Thực tiễn cho thấy người bào chữa, luật sư thường được xếp thấp hơn vị trí của KSV, các bên không thể hiện được sự bình đẳng, đối trọng với nhau. Bị cáo phải đứng trước vành móng ngựa, không có bàn cho bị cáo, nếu như bị cáo có nhiều hồ sơ, tài liệu và các văn bản cần để thực hiện việc gỡ tội thì bị cáo biết đặt ở đâu để trình bày và ghi chép, nếu như bị cáo không có sự hỗ trợ của NBC. Tranh tụng đòi hỏi sự bình đẳng về địa vị pháp lý của các bên, TA phải có trách nhiệm tạo điều kiện cho các bên tham gia tranh tụng bình đẳng, nhưng như thế thì chưa thật sự bình đẳng. Trong nhiều trường hợp, khi bị cáo, người bào chữa của bị cáo trình bày lời bào chữa hoặc đưa ra các lập luận tranh tụng, người tham gia tố tụng khác tranh luận thì KSV lại không chú ý lắng nghe, đôi khi có thái độ né tránh, không tiến hành tranh luận lại. Sự bình đẳng về địa vị pháp lý, là yếu tố tối cần thiết góp phần làm cho quá trình tranh tụng diễn ra một cách bình đẳng, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải thật sự công tâm, khách quan bởi bị can, bị cáo chưa phải là tội phạm, bởi theo nguyên tắc suy đoán vô tội thì cho đến khi có phán quyết của TA đã có hiệu lực pháp luật thì mới bị xem là tội phạm.

Thứ tư, mô hình tố tụng ở nước ta chưa có sự phân định rạch ròi giữa các chức năng, vai trò, nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình TTTHS. Việc KSV vừa nhân danh nhà nước thực hành quyền công tố, buộc tội người khác vừa nắm quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật của TA và bên gỡ tội là điều chưa hợp lý. Có quan điểm cho rằng VKS vừa “đá bóng lại vừa thổi còi” và TA là cơ quan độc lập, không phụ thuộc vào bất cứ một cơ quan nào khác nhưng lại chịu sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKS. Bên cạnh đó, hiện nay TA với chức năng tiến hành xét xử, thì TA (HĐXX) còn có thẩm quyền khởi tố án hình sự (Điều 104 BLTTHS 2003), có quyền trả hồ sơ để điều tra bổ sung, có trách nhiệm chứng minh tội phạm (thu thập chứng cứ). Khi mà HĐXX khởi tố vụ án, tức HĐXX đã thực hiện chức năng buộc tội, đồng thời chính mình lại xét xử về người bị chính

mình buộc tội. Những lý do trên là nguyên nhân, rào cản đã làm cản trở quá trình tranh tụng diễn ra trong không khí không thật sự bình đẳng, dân chủ và khách quan.

Thứ năm, vấn đề con người, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ tư pháp để thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa còn hạn chế. Trong khi nhận thức và năng lực đội ngũ TP, KSV, ĐTV, Luật sư và các cán bộ tư pháp chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu cải cách tư pháp, thực tiễn tranh tụng còn nhiều hạn chế cụ thể:

- Đối với Thẩm phán TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận hiện nay có 40 Thẩm phán, trong đó Tòa án tỉnh có 10 Thẩm phán và Tòa án các huyện, thành phố có 30 Thẩm Phán. Các thẩm phán ngày càng nâng cao về chất lượng chuyên môn nghiệp vụ. Một số thẩm phán yếu về chuyên môn nghiệp vụ dẫn đến hiệu quả áp dụng pháp luật chưa cao. Hiện tại, thẩm phán của TAND tỉnh Ninh Thuận còn thiếu, công tác giải quyết các vụ, việc nói chung và giải quyết các vụ án hình sự sơ thẩm nói riêng của TAND tỉnh Ninh Thuận, trong khi các vụ án hình sự ngày càng tăng nhanh về số lượng và phức tạp về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Một số Thẩm phán còn hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trong 40 Thẩm phán của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận thì chỉ mới có 03 (ba) người có trình độ thạc sĩ. Mặt khác có một số ít thẩm phán có tinh thần chưa cao trong công việc, chưa thực sự nỗ lực, nhiệt tình, chưa tự giác, chủ động trong công tác, chưa dành nhiều thời gian nghiên cứu, chưa chủ động trao đổi nghiệp vụ để nâng cao chất lượng công tác dẫn đến chất lượng giải quyết án hình sự không đạt chất lượng. Nên giải quyết một số vụ án hình sự còn lúng túng, điều hành phiên tòa không đúng theo cải cách tư pháp để thực hiện nguyên tắc tranh tụng làm rõ sự thật vụ án giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra, nhiều bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

- Về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ KSV hai cấp tỉnh Ninh Thuận còn hạn chế, đặc biệt ở cấp huyện thiếu nhiều về số lượng, yếu về chất lượng, có nhiều KSV cho rằng xét hỏi tại phiên tòa là trách nhiệm của HĐXX. KSV khi đưa ra lập luận, chứng cứ bảo vệ quan điểm truy tố bị cáo trong nhiều vụ

án chưa có sức thuyết phục, bản luận tội và tranh luận còn nhiều bất cập, hạn chế trước các tình huống phát sinh tại phiên tòa. Số ít KSV ở các huyện còn có tâm lý ngại tranh luận với Luật sư, xử lý tình huống phát sinh tại phiên tòa không phù hợp. Trong một số trường hợp, bản luận tội dài dòng mà chưa bám sát kết quả tranh tụng diễn biến tại phiên tòa hoặc chưa bao quát đầy đủ quan điểm về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đối với đội ngũ Luật sư tại tỉnh Ninh Thuận rất ít năm 2017 chỉ có 26 Luật sư, vừa ít lại yếu về chất lượng, đa phần luật sư từ các cơ quan khác sau khi về hưu được chuyển qua làm Luật sư, không được đào tạo bài bản các kỹ năng hành nghề luật sư là tìm cách gỡ tội cho bị cáo, có những luật sư được phiên ngang từ VKS, Công an khi tham gia bào chữa phần tranh luận thì lại giống như buộc tội thêm cho bị cáo như VKS.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận văn tác giả tập trung đánh giá tình hình về thực hiện nguyên tắc tranh tụng của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017 để thấy được những thành quả đạt được cũng như những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó. Về cơ bản, TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ trong việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa và điều hành phiên tòa tốt hơn theo nghị quyết cải cách tư pháp của Bộ chính trị. Tuy nhiên việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự vẫn còn một số hạn chế nhất định xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau.

Qua nghiên cứu tình hình thực tiễn việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận là cơ sở thực tế để tác giả xây dựng giải pháp hoàn thiện pháp luật thực định cũng như nâng cao hiệu quả việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự ở Chương 3.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TẠI PHIÊN TÒA SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Chiến lược cải cách tư pháp và yêu cầu nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Thực hiện chiến lược cải cách tư pháp theo nghị quyết 49 của Bộ chính trị về việc: Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp, hoàn thiện cơ chế bảo đảm để luật sư thực hiện tốt việc tranh tụng tại phiên tòa, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp; từng bước xã hội hóa một số hoạt động tư pháp. Do vậy cần phải thực hiện các cải cách sau:

Thứ nhất, tiếp thu có chọn lọc mô hình tố tụng tranh tụng và tố tụng thẩm vấn.

Mô hình tố tụng là sự khái quát cao những đặc trưng cơ bản, phổ biến phản ánh cách thức tổ chức hoạt động tố tụng hình sự, cách thức tìm đến sự thật khách quan của vụ án. Việc tổ chức mô hình tố tụng khác nhau, sẽ dẫn đến sự khác nhau về địa vị tố tụng của các thiết chế (TA, VKS, CQĐT) trong quá trình giải quyết vụ án. Trên thế giới hiện nay có nhiều mô hình tố tụng khác nhau, điển hình là mô hình tố tụng tranh tụng, mô hình tố tụng thẩm vấn và mô hình tố tụng pha trộn. Tùy vào đặc thù của từng quốc gia khác nhau mà chúng được chọn lựa để áp dụng sao cho phù hợp với tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của mỗi nước. Về cơ bản, mô hình tố tụng của Việt Nam là mô hình tố tụng thẩm vấn chịu sự ảnh hưởng của mô hình tố tụng của Châu Âu lục địa (Pháp và Xô viết) [18-tr.32]. Hiện nay, có một số quan điểm cho rằng Việt Nam nên bỏ mô hình tố tụng thẩm vấn để chuyển sang mô hình tố tụng tranh tụng để phù hợp với việc thừa nhận nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm. Những tác giả trên quan niệm rằng chỉ có mô hình tố tụng có yếu tố tranh tụng và tranh tụng chỉ thật sự hiệu quả khi đi cùng với mô hình tố tụng tranh

tụng. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng, mô hình tố tụng hiện tại của Việt Nam đã không còn nguyên bản là mô hình tố tụng thẩm vấn, mà đã có sự pha trộn giữa mô hình tố tụng tranh tụng với mô hình tố tụng thẩm vấn và tác giả cho rằng hiện nay mô hình của tố tụng Việt Nam là mô hình tố tụng pha trộn. Hiện nay trên thế giới còn rất ít những nhà nước áp dụng tuyệt đối những mô hình tố tụng tranh tụng hay mô hình tố tụng thẩm vấn. Bởi qua quá trình áp dụng, các quốc gia đã nhận thấy những mặt hạn chế của mỗi một mô hình từ đó tiếp thu hợp lý những hạt nhân tích thích hợp để khắc phục những hạn chế của mô hình nước mình. Việt Nam chúng ta cũng vậy, chúng ta đang tiếp thu những ưu điểm của mô hình tố tụng tranh tụng và hoàn thiện dần mô hình của chính mình. Việc chúng ta giữ nguyên mô hình tố tụng như hiện nay là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. Bởi mô hình tố tụng tranh tụng đòi hỏi cao về đội ngũ Luật sư trong các vụ án. Việc áp dụng mô hình tố tụng pha trộn, là phù hợp với chiến lược cải cách tư pháp. Cho nên chúng ta không thể hành thay đổi mô hình tố tụng mà trên cơ sở đó tiếp thu có chọn lọc những điểm ưu việt của mỗi mô hình để phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Thứ hai, bảo đảm sự bình đẳng trong tố tụng hình sự của bên buộc tội và bên gỡ tội là bảo vệ quyền công dân và quyền con người trong tố tụng hình sự.

Bộ luật TTHS 2015 ra đời, đã kịp thời bổ sung cho những thiếu sót, bất cập mà BLTTHS 2003 chưa điều chỉnh cũng như khắc phục những hạn chế qua thực tiễn áp dụng đã bộc lộ. Những quy định mới được bổ sung, góp phần làm cho sự bình đẳng giữa các bên tranh tụng được gia tăng đáng kể:

Một là, thừa nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm là một nguyên tắc cơ bản của luật TTHS và nội dung của nguyên tắc cũng đã đặt ra những yêu cầu để đảm bảo cho sự bình đẳng về địa vị pháp lý của các bên.

Hai là, các quy định được cụ thể hóa trong phần nội dung của Bộ luật về sự bình đẳng của các bên. Việc bổ sung nhiều quy định, làm tăng các quyền cũng như nghĩa vụ để bên buộc tội và bên gỡ tội có thể tranh tụng một cách bình đẳng với nhau là sự tiến bộ đáng được ghi nhận.

Tuy nhiên, xuất phát từ tình hình thực tiễn, vẫn còn rất quan ngại về khả năng thực hiện các quyền của bên gỡ tội trên thực tế. Quá trình thực hiện các quyền của bên bị buộc tội, phụ thuộc rất nhiều vào các cơ quan tiến hành tố tụng và bên gỡ tội có được bình đẳng hay không. Muốn cho quá trình thực thi được diễn ra đúng như Luật định thì ngoài những quy định như vậy cần phải có chế tài đi kèm để bắt buộc thực hiện.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, BLTTHS 2003 có các quy định về tính bình đẳng về địa vị pháp lý, cũng như các quy định đảm bảo quyền con người, thế nhưng có những vụ án người bị buộc tội bị bức cung, nhục hình dẫn đến tử vong, tạm giữ, tạm giam trái luật và oan sai dẫn đến phải ngồi tù hơn mười năm như vụ án ông Huỳnh Văn Nén gây rung động dư luận vừa qua. Một phần của nguyên nhân trên là do pháp luật vẫn còn những hạn chế, song từ một góc độ khác xuất phát từ sự tha hóa, xuống cấp về mặt đạo đức và năng lực của những người tiến hành tố tụng. Việc áp dụng những biện pháp ngăn chặn, chế tài trong hình sự là lĩnh vực nhạy cảm, làm ảnh hưởng đến quyền công dân, quyền con người một cách nghiêm trọng.

Để đáp ứng các yêu cầu của Công ước quốc tế về quyền con người, quyền công dân và phù hợp với tình hình, chiến lược cải cách nền tư pháp đến năm 2020 thì cần phải tăng cường hơn về biện pháp, chế tài để thực thi một cách nghiêm chính. Một khi quyền và nghĩa vụ pháp lý của các bên được bình đẳng với nhau trong việc buộc và gỡ tội, yếu tố tranh tụng sẽ được phát huy thì quyền công dân và quyền con người sẽ được đảm bảo. Bởi mục đích cuối cùng của xã hội, là xu hướng đến đảm bảo các quyền con người và xây dựng một xã hội văn minh giàu đẹp.

Thứ ba, cải cách chức năng và hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Để phù hợp với chiến lược cải cách tư pháp, yêu cầu đặt ra của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, cần phải có những thay đổi nhất định về mặt tổ chức cũng như hoạt động của các cơ quan trên.

Chúng ta nên theo hướng xây dựng hoạt động VKS theo hướng tập trung vào chức năng công tố (buộc tội), tách biệt với chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp. Cải cách hoạt động của VKS chính là yếu tố quyết định đến việc áp dụng nguyên

tắc tranh tụng trong TTHS. Chúng ta cần sớm có những thay đổi theo chủ trương của Bộ chính trị, cụ thể chúng ta cần nghiên cứu thành lập Viện công tố với chức năng là thực hành quyền công tố và chỉ đạo các hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ, tài liệu, tham gia tranh tụng nhằm thực hiện chức năng buộc tội. Có như vậy thì mới tạo ra sự độc lập giữa chức năng công tố và chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp và quan trọng hơn là tạo ra sự độc lập trong hoạt động xét xử của TA.

Cần đổi mới mối quan hệ giữa VKS với CQĐT. Trên thực tế hiện nay, CQĐT không độc lập mà phụ thuộc và bộ máy hành chính nhà nước. Vai trò của VKS và cơ chế pháp lý ràng buộc trách nhiệm của CQĐT với VKS chưa chặt chẽ, VKS còn thụ động trong quá trình điều tra, toàn bộ quá trình điều tra đều do CQĐT thực hiện. Mặc dù, CQĐT có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu và quyết định của VKS, nhưng thực ra chỉ ràng buộc về thủ tục pháp lý, việc thực hiện các hoạt động điều tra như thế nào, chiến lược điều tra ra sao đều phụ thuộc vào sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT. Cần phải xây dựng các quy định theo hướng VKS có quyền chỉ đạo, đôn đốc CQĐT thực hiện các hoạt động điều tra theo yêu cầu của VKS để đảm bảo quá trình đó được thực hiện hiệu quả. Bởi vì, việc VKS chỉ đạo, đôn đốc và theo sát quá trình điều tra sẽ giúp cho hoạt động tranh tụng vì chính KSV mới là chủ thể trực tiếp đại diện cho VKS thực hành quyền công tố (buộc tội) và thực hiện hoạt động tranh tụng với bên gỡ tội nên KSV phải là người chủ động trong hoạt động điều tra, nắm rõ các chứng cứ tài liệu buộc tội thì mới có thể thực hiện tốt việc tranh tụng đặc biệt là tranh tụng tại phiên tòa.

Đối với TA, cần phải có sự phân định rõ ràng giữa chức năng của xét xử của TA với chức năng buộc tội của VKS, quy định theo hướng TA chỉ đóng vai trò là cơ quan xét xử và không có trách nhiệm chứng minh tội phạm mà trách nhiệm đó được thực hiện bởi VKS. Bất cứ thẩm quyền nào của TA làm ảnh hưởng đến chức năng xét xử đều phải được loại bỏ, bởi nhiệm vụ của TA là xét xử. Phải loại bỏ các quyền sau đây như quyền khởi tố, quyền xét xử khi VKS đã rút truy tố, quyền được xét xử vượt quá giới hạn của vụ án. Thực tiễn áp dụng BLTTHS 2003 cho thấy, TA thường cùng với VKS thực hiện chức năng buộc tội, vì vậy tranh tụng không thể

được đảm bảo khi cơ quan xét xử cũng tham gia buộc tội. Sự bình đẳng, vô tư khách quan trong quá trình giải quyết vụ án sẽ bị mất đi và yêu cầu đặt ra của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo sẽ không được đảm bảo. Vì vậy, cần phải có sự phân định rõ ràng giữa các chức năng của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Để đảm bảo, nâng cao hiệu quả của hoạt động tranh tụng, chúng ta cần phải hoàn thiện mô hình tố tụng. Thực hiện các biện pháp thủ tục nhằm đảm bảo sự bình đẳng của các bên tham gia tranh tụng, đảm bảo các quyền con người, quyền công dân. Cần xây dựng tách bạch chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan tiến hành tố tụng. Xác định rõ chức năng của TA, đó chỉ là thực hiện chức năng xét xử và yêu cầu Tòa án phải đảm bảo cho các bên tranh tụng một cách bình đẳng tại phiên tòa. Quyết định, bản án của Tòa án nhất thiết phải dựa vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Có như vậy thì thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa mới được bảo đảm thực thi một cách có hiệu quả trên thực tế.

3.2. Hoàn thiện quy định của pháp luật về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự

Kể từ Nghị quyết số 08, 48, 49 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp và hoàn thiện hệ thống tư pháp ra đời cho đến nay đã mang lại những hiệu quả nhất định, song vẫn còn những hạn chế nhất định. Hiến pháp năm 2013, BLTTHS 2015 ra đời nhằm bổ sung, hoàn thiện và khắc phục những điểm hạn chế trước đó trong BLTTHS 2003. Việc BLTTHS 2015 ra đời và thừa nhận nguyên tắc tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn THHS một mặt giải quyết những vấn đề về quyền con người trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên, thông qua việc phân tích các quy định hiện hành trong BLTTHS 2015, nhận thấy vẫn còn những điểm chưa thật sự chính xác và cần có sửa đổi để đảm bảo cho việc áp dụng thống nhất nguyên tắc tranh tụng. Tác giả xin được đưa ra một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, về tên điều luật, tại Điều 26 BLTTHS 2015 quy định như sau: “*Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*”. Việc đặt tên như vậy là các

nhà làm luật đã phủ nhận tính tranh tụng trong những giai đoạn trước mà chỉ thừa nhận thực hiện tranh tụng trong giai đoạn xét xử tại phiên tòa. Việc thừa nhận như vậy là chưa phù hợp với tính khách quan của tranh tụng, mặt khác thực hiện nguyên tắc tranh tụng phải được áp dụng trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án thì mới mang lại hiệu quả cho hoạt động tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, là tổng thể các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Trong toàn bộ những giai đoạn nêu trên, chúng ta không thể tách rời, xem nhẹ một giai đoạn nào, bởi mỗi một giai đoạn đóng một vai trò nhất định, kết quả của giai đoạn này là cơ sở để giai đoạn khác bắt đầu. Chính vì vậy, việc không thừa nhận thực hiện tranh tụng trong những giai đoạn trước sẽ không đảm bảo được việc thực hiện tranh tụng trong giai đoạn xét xử. Bởi chỉ có tranh tụng mới tìm ra được sự thật khách quan của vụ án, đảm bảo sự bình đẳng về địa vị pháp lý của các bên và quyền con người. Bên cạnh tên điều luật, tác giả không đồng tình với cách quy định như hiện nay, việc quy định như hiện nay tại Điều 26 là chưa phù hợp với một nguyên tắc cơ bản, nội dung dài dòng. Bởi nguyên tắc cơ bản của luật TTHS là những tư tưởng chỉ đạo, những phương châm định hướng chi phối hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật tố tụng hình sự. Nguyên tắc phải thể hiện được sự cô đọng, xúc tích và mang tính định hướng cao cho toàn bộ quá trình TTHS. Chính vì vậy theo tác giả nên sửa lại tên điều luật như sau:

Điều 26: Bảo đảm tranh tụng trong tố tụng hình sự

Kiến nghị các nhà làm luật nên cô đọng lại nội dung của nguyên tắc, một mặt phù hợp với những tiêu chí của một nguyên tắc cơ bản của luật TTHS và giúp người đọc dễ dàng nắm bắt được nội dung của nguyên tắc.

Thứ hai, về trách nhiệm chứng minh tội phạm, theo quy định hiện nay tại Điều 15 BLTTHS 2015, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng, được hàm ý hiểu là TA cũng phải có trách nhiệm chứng minh tội phạm. Tuy nhiên, chúng ta chỉ nên quy định trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về CQĐT, VKS nên tách bạch giữa chức năng xét xử và chức năng buộc tội của nhóm chủ thể trên. Việc quy định như vậy sẽ không đặt trách nhiệm chứng minh tội phạm lên vai của TA, mà TA lúc này chỉ đóng vai trò là cơ quan xét xử, là trọng tài để đưa ra

phán quyết căn cứ dựa trên việc tranh tụng của các bên buộc tội và bên gỡ tội - bào chữa tại phiên tòa. Vì vậy, nên sửa điều 15 lại như sau:

Điều 15: *Xác định sự thật vụ án “Trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh mình vô tội...”*

Tòa án cũng là cơ quan có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, tuy nhiên TA không thực hiện nhiệm vụ chứng minh tội phạm, mà TA thực hiện nhiệm vụ đó thông qua chức năng xét xử của mình. Mặt khác TA không phải là người truy tố nên TA không có nghĩa vụ chứng minh tội phạm. Nghĩa vụ chứng minh tội phạm thuộc về cơ quan tiến hành tố tụng như CQĐT, VKS. TA chỉ đưa ra những luận chứng chứng minh trong bản án của mình là lý do vì sao TA chấp nhận cáo trạng, quan điểm của VKS mà không chấp nhận lời bào chữa, ý kiến của Luật sư, bị cáo hoặc ngược lại.

Thứ ba, đó là về thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự, theo quy định tại điều 18 và điều 145 BLTTHS 2015 thì TA vẫn có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự. Theo quan điểm nên loại trừ thẩm quyền này của TA, bởi lẽ, TA tự mình khởi tố vụ án, rồi TA tự mình xét xử chính người mình đã buộc tội. Việc làm như vậy là không đảm bảo tính khách quan, không có sự tách bạch giữa chức năng xét xử và chức năng buộc tội. Vì vậy tác giả kiến nghị bỏ quy định về quyền khởi tố tại điều 18 và điều 145 BLTTHS 2015.

Thứ tư, về vấn đề trả hồ sơ điều tra bổ sung của TA. Việc TA tiến hành trả hồ sơ để điều tra bổ sung như quy định hiện nay tại điểm a khoản 1 điều 245 BLTTHS 2015 là chưa phù hợp với nội dung của nguyên tắc tranh tụng trong xét xử và nguyên tắc suy đoán vô tội. Bởi nguyên tắc trên đã đặt ra, phán quyết, bản án, phải căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và theo hướng có lợi cho bị cáo. Bởi nếu TA xét thấy không có đủ căn cứ để chứng minh bị cáo là có tội thì phải tuyên bị cáo vô tội, tránh tình trạng chuẩn bị không đầy đủ chứng cứ từ phía bên buộc tội - KSV và làm mất nhiều thời gian giải quyết vụ án. Trong trường hợp VKS không chấp nhận yêu cầu của TA và TA vẫn phải đưa ra xét xử thì thiết nghĩ không cần phải trả hồ sơ. Tòa án chỉ nên trả hồ sơ trong những trường hợp có những vi phạm nghiêm

trọng về thủ tục tố tụng và những vi phạm làm cản trở khiến cho TA không thể tiến hành xét xử được. Theo quan điểm VKS truy tố đến đâu, TA xét xử đến đó, trách nhiệm buộc tội thuộc về VKS, TA chỉ đóng vai trò xét xử dựa trên cáo trạng buộc tội của VKS và phân tranh luận với bên gỡ tội, để tìm ra sự thật khách quan của vụ án mà thôi.

Thứ năm, giới hạn xét xử của TA, theo quy định tại điều 298 BLTTHS 2015 TA vẫn được quyền xét xử nặng hơn tội danh mà VKS truy tố trong trường hợp TA trả hồ sơ về để VKS truy tố lại mà VKS vẫn không đồng ý. Theo tác giả, việc Bộ luật quy định như vậy là chưa phù hợp với chức năng của TA, bởi chức năng của TA là xét xử một hành vi thông qua sự truy tố của VKS, việc TA xét xử với tội danh nặng hơn là TA đã vượt qua chức năng của mình và lấn sân sang chức năng truy tố của VKS. Bởi xuất phát từ nguyên lý có truy tố, buộc tội thì mới có xét xử và có buộc tội thì mới có gỡ tội. TA không thể nào vừa buộc tội lại vừa xét xử, như vậy là không đáp ứng được tinh thần, cũng như nội dung nguyên tắc tranh tụng. Trong hoàn cảnh này, bên gỡ tội - luật sư sẽ phải tranh tụng với TA mà không phải VKS. Vì vậy, theo tác giả cần phải giới hạn lại việc xét xử, TA chỉ nên xét xử trong phạm vi cáo trạng của VKS hoặc việc xử của TA có khác đi so với cáo trạng nhưng không nặng hơn mức mà VKS truy tố.

Thứ sáu, chức năng kiểm sát việc tuân thủ pháp luật của VKS tại phiên tòa sơ thẩm. Theo quy định tại điều 20 BLTTHS 2015 thì VKS vừa thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử trong toàn bộ quá trình tố tụng hình sự. Theo quan điểm, việc VKS tiến hành hoạt động kiểm sát việc xét xử của TA là chưa thật sự khách quan, hợp lý. Theo tác giả VKS chỉ thực hành quyền công tố, sự thay đổi này là cần thiết để phù hợp với vai trò trung tâm của TA trong TTHS thì ngoài nhân dân và TA cấp trên ra thì không một cơ quan nào trong số chủ thể tiến hành tố tụng có thể giám sát hoạt động xét xử, giải quyết công việc của TA. Ngược lại, hoạt động tố tụng tại phiên tòa phải chịu sự giám sát của TA thông qua HĐXX với tư cách là người điều hành phiên tòa. Do đó, đề xuất bỏ chức năng kiểm sát xét xử tại phiên tòa của VKS và giao trách nhiệm đó cho nhân dân thực hiện quyền giám sát hoặc TA cấp trên.

3.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận

Để nâng cao chất lượng thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa trên địa bàn cả nước nói chung và ở tỉnh Ninh Thuận nói riêng theo quan điểm cần phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau như ngoài các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật TTTHS thì các giải pháp về tổ chức thực hiện nhận thức của mọi đối tượng, giải pháp về nâng cao nhận thức, trình độ con người, cơ sở vật chất,... cũng có vai trò rất quan trọng. Trên cơ sở tính chất, nội dung có thể phân các giải pháp về tổ chức thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa thành các nhóm sau:

3.3.1. Nâng cao nhận thức thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa

Việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, đó là sự nhận thức như thế nào để việc thực hiện tranh tụng phải bắt buộc như các thủ tục khác tại phiên tòa. Để đảm bảo thực hiện tranh tụng thì cần phải có sự nhận thức đúng đắn vấn đề của nó. Việc nhận thức này, không chỉ riêng đối với cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng mà đối với tất cả những chủ thể khác trong xã hội. Để đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa được hoàn thiện từ việc xây dựng các quy định cho đến việc áp dụng trên thực tế, đòi hỏi đầu tiên từ phía các nhà lập pháp, cần phải đổi mới tư duy nhìn nhận về tranh tụng để xây dựng thống nhất các quy phạm về tranh tụng. Sự nhận thức đúng đắn của các nhà làm luật, là khâu quan trọng quyết định đến sự tồn tại của nguyên tắc tranh tụng được thực hiện tại phiên tòa và quá trình áp dụng trên thực tế.

Luật pháp có tốt đến đâu đi chăng nữa, mà những cơ quan, những người áp dụng pháp luật không nhận thức được vấn đề, vị trí vai trò của mình thì việc áp dụng pháp luật sẽ không được hiệu quả. Các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia tố tụng, cũng cần phải nhận thức đúng đắn về tranh tụng để đảm bảo thực hiện các quyền của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Việc các chủ thể tham gia tố tụng, nhận thức đúng đắn vấn đề, sẽ giúp họ chủ động tham gia tranh tụng, góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, đồng thời tránh tình trạng oan sai, bức cung nhục hình. Ngoài ra, Mọi con người trong xã hội cần phải nhận thức được vai

trò của nguyên tắc tranh tụng, để góp phần thực hiện quyền giám sát và hiệu hơn về các quyền cũng như nghĩa vụ khi mình có thể là người phải tham gia tố tụng trong các vụ án.

Vì vậy, việc nâng cao sự nhận thức về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa, là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và hiệu quả của quá trình áp dụng nguyên tắc trên thực tế. Các chủ thể cần phải hiểu được vị trí, vai trò trong quá trình tố tụng để có thể thực hiện hết nhiệm vụ, các quyền và nghĩa vụ của mình.

3.3.2. Nâng cao trình độ, năng lực của các chủ thể tham gia thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa

Để thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự việc kiện toàn đội ngũ cán bộ ngành TA, kiểm sát và đội ngũ ĐTV là một yếu tố cần thiết. Sau khi chúng ta thực hiện mở rộng tranh tụng, ghi nhận nguyên tắc tranh tụng là một nguyên tắc cơ bản, việc nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ ngành TA, kiểm sát và đội ngũ Luật sư là một yếu tố cần thiết khách quan. Đạt được kết quả này là do các chủ thể tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng bước đầu nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa, thực hiện tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự hiện nay là sự ghi nhận kết quả bước đầu của cải cách tư pháp. Có được kết quả này một phần là do các chủ thể tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng đã nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa.

Yếu tố con người là một trong những nhân tố quan trọng, quyết định đến sự hiệu quả của quá trình tố tụng hình nói riêng và của các vấn đề xã hội nói chung. Chính vì vậy cần nâng cao trình độ của các chủ thể tham gia tố tụng sau:

Thứ nhất, nâng cao trình độ của đội ngũ Kiểm sát viên

Đội ngũ KSV trên tỉnh Ninh Thuận còn yếu, thiếu, phần lớn đào tạo không chính qui về luật học, đa phần được bố trí công tác ở cấp huyện nên cần phải quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện, KSV có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm, có tính tự giác cao trong công việc. Lập kế hoạch đào tạo chung cho VKS trong toàn ngành, tổ chức các lớp tập huấn, rèn luyện kỹ năng thực hành quyền công tố cho KSV theo

hướng chuyên sâu theo hướng tranh tụng để làm rõ sự thật vụ án tại phiên tòa từ đó xác định một con người có phạm tội hay không. Tăng cường công tác sơ kết, tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm, tổ chức các hội thảo khoa học nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố nói chung và hoạt động tranh tụng tại phiên tòa nói riêng.

KSV thường xuyên rèn luyện kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ kết hợp nhuần nhuyễn các kỹ năng để tranh tụng thuyết phục hơn. Tránh tình trạng thiếu KSV có chuyên môn, năng lực ở cấp Huyện trong việc thực hiện quyền công tố một bên buộc tội của việc thực hiện tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy cần có sự tăng cường về số lượng cũng như chất lượng đội ngũ KSV.

Thứ hai, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ Thẩm phán, HTND.

Về công tác tổ chức biên chế cán bộ của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận được phân bổ 130 cán bộ công chức, trong đó TAND tỉnh có 46/52 cán bộ công chức, trong đó có: 10 thẩm phán, 07 thẩm tra viên và 17 thư ký, Tòa án các huyện có 76/78 cán bộ công chức, trong đó có 30 Thẩm phán, 07 thẩm tra viên và 35 thư ký.

Tòa án là cơ quan tiến hành xét xử, đóng vai trò là khâu trọng yếu, nhân danh nhà nước để tuyên một người có phạm tội hay không, phán quyết đó ảnh hưởng nghiêm trọng đến số phận của một con người. Chức năng của TA được thực hiện thông qua các chủ thể là Thẩm phán, HTND

Do vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ Thẩm phán, HTND trong sạch vững mạnh là nhiệm vụ chủ yếu và vô cùng quan trọng trong giai đoạn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Nghị quyết số 49 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. “*Tòa án được xác định là trung tâm của hệ thống tư pháp, trong đó hoạt động xét xử giữ vị trí trung tâm, có vai trò quan trọng nhất*”. Do đó cần phải nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cũng như đạo đức của Thẩm phán, HTND để đáp ứng với nhiệm vụ của ngành Tòa án cần phải:

Ngành Tòa án cần phải có đội ngũ Thẩm phán trong sạch, có năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng. Tòa án các cấp cần có các Thẩm phán có kinh nghiệm, chuyên trách để xét xử các vụ án quan trọng phức tạp cũng như các vụ án là người chưa thành niên. Trong quá trình xét xử Thẩm phán phải có thái độ đúng mực, trong phần xét hỏi HĐXX cần sử dụng câu hỏi dễ hiểu để bị cáo hiểu vấn đề, không sử dụng các câu hỏi mang tính định tội, chung chung đối với bị cáo. Trong phần tranh luận không hạn chế thời gian tranh luận, đảm bảo cho Kiểm sát viên, luật sư, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo bình đẳng với nhau trong việc tranh luận, bày tỏ quan điểm của mình. Do đó phải có chiến lược kế hoạch cụ thể trong việc đào tạo, bồi dưỡng về các mặt chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao năng lực của đội ngũ Thẩm phán nghiệp vụ xét xử và kỹ năng giải quyết vụ án hình sự.

Đối với HTND của TAND cấp huyện và cấp tỉnh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự cần có các đợt tập huấn cho Hội thẩm về xét xử sơ thẩm đối với bị can, bị cáo, nâng cao vai trò trách nhiệm của hội thẩm trong hoạt động xét xử để họ tích cực dành thời gian để nghiên cứu hồ sơ, tích cực tham gia xét hỏi, giáo dục bị cáo tại phiên tòa và chủ động phát biểu quan điểm và quyết định khi nghị án. Nhà nước phải có phụ cấp bồi dưỡng cho Hội thẩm khi tham gia xét xử để họ có tâm huyết hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Mỗi năm cần tăng cường kiểm tra, tổng kết thực tiễn xét xử và tập huấn nghiệp vụ, thực tiễn công tác xét xử của TAND cho thấy thông qua công tác kiểm tra, giám đốc xét xử phát hiện được những sai lầm của các bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời qua đó định hướng cho việc xét xử của thẩm phán, rút kinh nghiệm về những sai lầm, hiệu quả công tác xét xử nói chung và công tác xét xử các vụ án hình sự sơ thẩm tại tỉnh Ninh Thuận. Do đó, phải thường xuyên kiểm tra việc xét xử vụ án hình sự đối với TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận định kỳ mỗi năm hai lần.

Tổng kết thực tiễn công tác xét xử và tập huấn nghiệp vụ xét xử là rất quan trọng. Tổng kết thực tiễn xét xử để đề nghị sửa đổi, bổ sung pháp luật, để hướng dẫn thi hành pháp luật và đó cũng là tài liệu quý cho công tác tập huấn nghiệp vụ.

Thứ ba, nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ Luật sư.

Đội ngũ Luật sư, là thành phần không thể thiếu trong hoạt động tố tụng và để đảm bảo cho việc thực hiện tranh tụng thì không chỉ có đủ số lượng Luật sư mà cần phải có Luật sư giỏi, giàu kinh nghiệm và bản lĩnh cũng như tư tưởng chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt. Thực trạng hiện nay cho thấy, số lượng Luật sư tại tỉnh Ninh Thuận rất ít có 26 luật sư, trong đó có 6 luật sư hoạt động tại Tp. Hồ Chí Minh và phần lớn chủ yếu là người của các ngành Công an, VKS, TA về hưu không trải qua trường lớp đào tạo bài bản về kỹ năng hành nghề luật sư trong một số vụ án có luật sư nhằm lẫn mình là bên buộc tội, khi tranh luận không gỡ tội cho bị cáo mà còn buộc tội thêm. Và số lượng luật sư tại địa phương rất ít số với các tỉnh thành phố khác, hiện nay Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận chỉ có 26 luật sư, rất ít nên nhiều vụ án không đủ tham gia tranh tụng, tuy nhiên trên thực tế vẫn có nhiều Luật sư hoạt động không thực sự hiệu quả, không có công việc để làm.

Như thế, cần phải phát triển đội ngũ, chất lượng của Luật sư tỉnh Ninh Thuận để đáp ứng nhu cầu tranh tụng đặt ra nói riêng và nhu cầu của xã hội nói chung. Bản thân các Luật sư phải tự nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực kỹ năng hành nghề để đáp ứng các nhu cầu đặt ra. Đoàn Luật sư cần thắt chặt công tác quản lý các tổ chức thành viên, thường xuyên tổ chức các diễn đàn, giao lưu trao đổi công việc, kỹ năng hành nghề và kết hợp với cơ quan chức năng như Sở Tư Pháp tỉnh Ninh Thuận để mở lớp Đào tạo luật sư tại tỉnh nhà hoặc có chính sách cho người ở địa phương khác về gia nhập Đoàn luật sư như miễn tiền đóng phí gia nhập Đoàn luật sư, nhằm tăng số lượng cũng như nâng cao chất lượng để phục vụ cho việc tham gia các vụ án chỉ định theo quy định của pháp luật nói riêng và các vụ án hình sự sơ thẩm trên toàn tỉnh nói chung.

3.3.3. Đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất

Ngoài việc nâng cao năng lực trình độ chuyên môn, ý thức nghề nghiệp bên cạnh đó cần phải tăng cường các điều kiện, phương tiện làm việc cho ngành Tòa án, VKS, đặc biệt là các huyện có điều kiện kinh tế khó khăn của tỉnh Ninh Thuận như huyện Ninh Sơn, Bắc Ái, Thuận Nam, Thuận Bắc để phục vụ tốt hơn cho công tác.

Cần phải tăng cường, về cơ sở vật chất, chế độ thỏa đáng cho các địa phương và cán bộ, KSV, TP làm công tác là yêu cầu cấp bách trong việc thực hiện cải cách tư pháp của Bộ chính trị. Thực tế hiện nay cho thấy về cơ bản trụ sở làm việc của TA, VKS cấp Huyện, VKS, TA cấp tỉnh đã được đầu tư xây dựng cơ bản, phương tiện làm việc đã được trang bị máy tính, máy photo, chế độ chính sách tiền lương cũng như các chính sách hỗ trợ khác đối với cán bộ TA và VKS ngày càng phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước. Tuy nhiên, so với nhu cầu và môi trường tác về mức sống với ngành khác vẫn còn thiếu thốn không đủ đáp ứng cuộc sống cho gia đình, đặc biệt đối với các TP mới được bổ nhiệm lương rất thấp thường phải làm kinh tế gia đình thêm. Trong khi đó, để đáp ứng nhu cầu của chiến lược cải cách tư pháp thì vai trò, nhiệm vụ của KSV và TA là rất lớn.

Tòa án các cấp cần xây dựng các phòng xử án dành riêng cho từng loại bị cáo chẳng hạn bị cáo là người chưa thành niên phải có phòng xét xử phù hợp với độ tuổi và loại tội của mình gay ra, chứ không sử dụng phòng xét xử chung dành cho tất cả các bị cáo như hiện nay.

Để thực hiện tốt việc thực hành công tố và Kiểm sát hoạt động tư pháp nói chung, nâng cao chất lượng xét xử và chất lượng tranh tụng tại phiên tòa cần phải tăng cường trang thiết bị, tài liệu sách báo pháp luật cho KSV, TP nghiên cứu học tập và áp dụng và giải quyết các vụ án cụ thể. Các phiên tòa cần được lắp đặt Camera để giám sát trực tiếp, loa và âm thanh tại phiên tòa nghe rõ ràng.

Hiện nay chế độ bồi dưỡng phiên tòa, chế độ công tác phí đối với KSV, TP còn rất thấp. Thẩm phán xét xử là một nghề nghiệp đặc biệt quan trọng, thẩm phán không nhân danh cá nhân mà nhân danh Nhà nước để định tội danh, hình phạt trong các vụ án hình sự, để phân định đúng, sai trong các vụ án. Khi xét xử, người Thẩm phán phải tuân thủ nguyên tắc, quy định của ngành Tòa án nhất định, trong đó nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất là độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Bên cạnh đó, chế độ đãi ngộ, phụ cấp tiền lương đối với Thẩm phán, HTND hiện nay quá thấp. Do đó, ngoài việc trang bị cơ sở vật chất cho ngành Tòa án thì cũng phải có chế độ tiền lương, phụ cấp đặc thù riêng phù hợp với các Thẩm phán, HTND.

3.3.4. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý sai phạm, tiêu cực trong hoạt động xét xử

Trong xét xử các vụ án của cả nước nói chung của tỉnh Ninh Thuận nói riêng cũng đã xảy ra rất nhiều vụ tiêu cực như các vụ việc gần đây như: phó chánh án huyện Ea Kar, Đắc Lắc nhận hối lộ, phó chánh án huyện Đan Phượng, Hà Nội nhận tiền chạy án,... để phát hiện hành vi tiêu cực trong lĩnh vực tư pháp rất khó vì những cá nhân đó nắm rất rõ quy định của pháp luật.

Do đó việc kiểm tra, giám sát và xử lý tiêu cực trong hoạt động xét xử là điều cần thiết để đáp ứng cho chiến lược cải cách tư pháp, tăng cường tranh tụng như hiện nay. Hiện nay có nhiều hành vi tiêu cực, vi phạm: chạy án để giảm hình phạt hoặc dẫn đến oan sai. Nhiều vi phạm được phát hiện khá lâu sau đó đã dẫn đến những hậu quả vô cùng nghiêm trọng và làm ảnh hưởng đến quá trình tố tụng.

Bên cạnh đó, BLTTHS hiện nay, đã mở rộng hơn các quyền cho các chủ thể tham gia tố tụng để đảm bảo sự bình đẳng cho các bên. Đây cũng chính là cơ hội để cho các đối tượng lợi dụng để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật và gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Chính vì vậy, cần phải tăng cường kiểm tra giám sát cả phía cơ quan tiến hành tố tụng để khắc phục những vi phạm, cũng như kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Mặt khác, tăng cường kiểm tra giám sát và xử lý các đối tượng như người bào chữa, các tổ chức pháp lý, có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện chức năng bào chữa. Các cơ quan như VKS, TA cần phải xây dựng đội ngũ kiểm tra giám sát chéo trong nội bộ cơ quan để tăng cường công tác quản lý và xử phạt vi phạm hạn chế các hành vi tiêu cực can thiệp vào quá trình giải quyết vụ án. Các tổ chức như Liên Đoàn Luật sư, tổ chức pháp lý tăng cường công tác giám sát đối với các thành viên của tổ chức mình để quản lý tốt hơn.

Việc kiểm tra, giám sát và xử lý thường xuyên sẽ góp phần đảm bảo cho tranh tụng diễn ra được hiệu quả hơn, không ai có thể can thiệp làm sai lệch hồ sơ vụ án khi xét xử tại phiên tòa các vụ án nói chung và đặc biệt là vụ án hình sự nói riêng.

Tiểu kết Chương 3

Việc hoàn thiện và đưa ra các giải pháp trong việc đảm bảo thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS, đưa ra những định hướng hoàn thiện pháp luật và một số kiến nghị nhằm đảm bảo cho quá trình thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa hoàn thiện hơn. Đầu tiên tác giả nêu ra chiến lược cải cách tư pháp và yêu cầu nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự để hoàn thiện về pháp luật tố tụng hình sự. Tiếp theo đưa ra các kiến nghị nhằm sửa đổi một số quy định của pháp luật TTHS góp phần Hoàn thiện quy định của pháp luật về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa. Cuối cùng, nêu ra một số giải pháp nhằm nâng cao về tổ chức thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận cũng như của cả nước để đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu cải cách tư pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và để việc áp dụng nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa luôn được thực hiện trong thực tiễn xét xử.

KẾT LUẬN

Tranh tụng là một vấn đề không còn mới trong khoa học pháp lý hiện nay, việc thừa nhận nguyên tắc tranh tụng trong xét xử là nguyên một nguyên tắc cơ bản của TTHS như hiện nay là xuất phát từ tất yếu khách quan của thực tiễn, nhằm đáp ứng nhu cầu của chiến lược cải cách tư pháp đặt ra. Nó chính là cơ chế tốt nhất để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, việc BLTTHS 2015 vừa ra đời đã thừa nhận “nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được đảm bảo” đã làm phát sinh những vấn đề mới trong khoa học pháp lý về việc áp dụng nguyên tắc, làm thế nào để đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc tại phiên tòa được hiệu quả và việc thừa nhận tranh tụng trong giai đoạn xét xử được bảo đảm như hiện nay đã phù hợp với thực tiễn hay chưa vẫn còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa phát huy được tối đa mặt tích cực của nó thì cần có sự nghiên cứu sâu sắc cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự. Bởi vậy đã giải quyết nhiệm vụ:

1. Nghiên cứu lý luận về thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự như: khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, điều kiện đảm bảo thực hiện nguyên tắc tranh tụng.

2. Phân tích các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự.

3. Khái quát về hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2013 - 2017. Những thành quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận

4. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu đưa ra phương án hoàn thiện quy định của pháp luật về thực hiện nguyên tắc tranh tụng và các giải pháp về tổ chức thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận.

Thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự là một vấn đề cần thiết và quan trọng trong luật TTHS. Vì nhiều lý do, đề tài này chưa có điều

kiện nghiên cứu sâu một cách toàn diện, triệt để những vấn đề xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật. Những kết quả của đề tài này hy vọng sẽ góp phần nhỏ về mặt lý luận và thực tiễn trong việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự tại tỉnh Ninh Thuận nói riêng của cả nước nói chung góp phần nhỏ trong công cuộc cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước đặt ra.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002) *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ chính trị, ngày 24 tháng 05 năm 2005 Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005) *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010) *Kết luận số 79-KL/TW ngày 28-7-2010 của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*; Hà Nội.
5. Đại học luật Hà Nội (2001) *Giáo trình luật tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
6. Đại học luật Hà Nội (2006) *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
7. Đại học luật Tp. Hồ Chí Minh (2013) *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
8. Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận (2013-2017) *Báo cáo tổng kết công tác năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*.
9. Học viện Tư pháp (2006) *Kỹ năng xét xử vụ án Hình sự*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Hiến (2011) *Về nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia.
11. Nguyễn Đình Huệ (2007) “Một số vấn đề yêu cầu cử người bào chữa cho bị cáo theo khoản 2, Điều 57 của Bộ luật tố tụng hình sự”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 7, tr. 42-44.
12. Nguyễn Văn Hiến (2011) *Về nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự*,

Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Nguyễn Đức Mai (2011) *Bình luận khoa học Bộ luật TTHS 2003*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Nguyễn Đức Mai (2011) *Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Dương Tuyết Miên (2004) *Định tội danh và Quyết định hình phạt*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

16. Võ Thị Kim Oanh (2007) *Xét xử hình sự sơ thẩm trong luật tố tụng hình sự Việt Nam* – Luận án tiến sĩ, Viện Nhà nước và Pháp luật.

17. Nguyễn Thái Phúc (2008) “Vấn đề tranh tụng và tăng cường tranh tụng trong tố tụng hình sự theo yêu cầu của cải cách tư pháp”, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 8, tr. 51-63.

18. Nguyễn Thái Phúc (2009) “Dự thảo Bộ luật TTHS (sửa đổi) và nguyên tắc tranh tụng”, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, (số 9), tr. 29-35.

19. Đỗ Thị Phượng (2004) “Bàn về khái niệm và cơ sở áp dụng thủ tục đối với người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo là người chưa thành niên trong Luật Tố tụng hình sự Việt Nam”, Tạp chí *Luật học*, số 4, Hà Nội.

20. Đinh Văn Quế (2003) *Thủ tục xét xử các vụ án hình sự sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

21. Quốc hội (2005) *Bộ luật Dân sự*, Hà Nội.

22. Quốc hội (1999) *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.

23. Quốc hội (2012) *Bộ luật Lao động*, Hà Nội.

24. Quốc hội (2003) *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.

25. Quốc hội (2013) *Hiến pháp*, Hà Nội.

26. Quốc hội (2012) *Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em 2004*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

27. Quốc hội (2012) *Luật luật sư 2006, sửa đổi – bổ sung 2012*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

28. Quốc hội (2009) *Luật trợ giúp pháp lý 2006*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà

Nội.

29. Hoàng Thị Minh Sơn (2009) “Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thủ tục phiên tòa sơ thẩm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”, Tạp chí *Luật học*, số 10, tr. 59 - 65.

30. Hồ Sỹ Sơn (2007) *Nguyên tắc nhân đạo trong Luật hình sự Việt Nam – Luận án tiến sĩ*, Viện Nhà nước và pháp luật.

31. Nguyễn Hữu Thê, Đỗ Văn Đương, Nguyễn Thị Thủy (đồng chủ biên) (2003) *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp (sách chuyên khảo)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

32. Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (2013- 2017) *Báo cáo tổng kết công tác các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*.

33. Tòa án nhân dân Tối cao (1999) *Công văn số 16/KHXX ngày 01/02/1999 hướng dẫn một số vấn đề về Hình sự, Dân sự, Kinh tế, Lao động, Hành chính và Tố tụng*, Hà Nội.

34. Tòa án nhân dân Tối cao (2002) *Công văn số 81/TANDTC ngày 10/6/2002 hướng dẫn một số vấn đề về nghiệp vụ cho các Tòa án nhân dân địa phương*, Hà Nội.

35. Tòa án nhân dân Tối cao (2006) *Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*, Hà Nội.

36. Tòa án nhân dân Tối cao (2004) *Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ 3 “Xét xử sơ thẩm” của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.

37. Tòa án nhân dân Tối cao (2006) *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.

38. Tòa án nhân dân Tối cao (2009) *Sổ tay Thẩm phán*, Nxb Lao động, Hà Nội.
39. Nguyễn Văn Trọng (2008) “Thực trạng tranh tụng tại phiên tòa hình sự và việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp”, Tạp chí *Tòa án nhân dân*, số 13, tr. 3-10.
40. Viện khoa học pháp lý (2006) *Từ điển luật học*, Nxb Tư pháp, Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
41. Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện ngôn ngữ học (1992) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Trung tâm từ điển ngôn ngữ, Hà Nội.
42. Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật (1996) *Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Trịnh Tiến Việt (2012) *Hoàn thiện các quy định của Phần chung Bộ luật hình sự trước yêu cầu mới của đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Võ Khánh Vinh (2012) *Bình luận Khoa học Bộ luật tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
45. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2013) *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
46. Võ Khánh Vinh (2013) *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1: Số liệu thụ lý, giải quyết án hình sự sơ thẩm của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017

STT	Năm	Số vụ án đã thụ lý	Số bị cáo đã thụ lý	Số vụ án đã giải quyết	Số bị cáo đã giải quyết	Tỷ lệ giải quyết án
1	2013	449	819	445	763	99,11%
2	2014	423	900	420	893	99,29%
3	2015	424	869	423	868	99,76%
4	2016	382	740	381	739	99,74%
5	2017	360	574	356	562	98,89%
6	Tổng cộng	2038	3902	2025	3825	99,36%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của TAND tỉnh Ninh Thuận từ 2013 đến 2017)

Bảng 2.2: Tỷ lệ giải quyết án hình sự sơ thẩm có luật sư tham gia trên tổng số vụ án thụ lý của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017

STT	Năm	Số vụ án đã giải quyết	Số bị cáo đã giải quyết	Số vụ án giải quyết có Luật sư tham gia	Tỷ lệ luật sư tham gia
1	2013	445	763	103	23.15%
2	2014	420	893	160	38.10%
3	2015	423	868	170	40.19%
4	2016	381	739	175	45.93%
5	2017	356	562	180	50.56%
6	Tổng Cộng	2025	3825	788	38.91%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của TAND tỉnh Ninh Thuận từ 2013 đến 2017)

Bảng 2.3: Tỷ lệ giải quyết án hình sự sơ thẩm có luật sư chỉ định phân công của Đoàn luật sư tham gia trên tổng số vụ án thụ lý của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017

STT	Năm	Số vụ án đã giải quyết	Số bị cáo đã giải quyết	Số vụ án chỉ định mời luật sư	Tỷ lệ luật sư tham gia
1	2013	445	763	63	14,16%
2	2014	420	893	69	16,43%
3	2015	423	868	73	17,26%
4	2016	381	739	59	15,49%
5	2017	356	562	62	17,70%
6	Tổng cộng	2025	3825	327	16,15%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của TAND và ĐLS tỉnh Ninh Thuận từ 2013 đến 2017)

Bảng 2.4: Tỷ lệ giải quyết án hình sự sơ thẩm có luật sư chỉ định tham gia trên tổng số vụ án có luật sư tham gia của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017

STT	Năm	Số vụ án đã giải quyết	Số vụ án chỉ định mời luật sư	Số vụ án giải quyết có Luật sư tham gia	Tỷ lệ luật sư chỉ định với luật sư tham gia giải quyết
1	2013	445	63	103	61,17%
2	2014	420	69	160	46,00%
3	2015	423	73	170	41,01%
4	2016	381	59	175	31,22%
5	2017	356	62	180	26,81%
6	Tổng cộng	2025	327	788	38,25%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của TAND và Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận từ 2013 đến 2017)

Bảng 2.5: Tỷ lệ giải quyết án hình sự sơ thẩm HĐXX chấp nhận quan điểm tranh luận VKS và án bị hủy, sửa của TAND hai cấp trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017

STT	Năm	Số vụ án đã giải quyết	Số vụ án HĐXX chấp nhận quan điểm VKS	Số vụ án bị Hủy, sửa	Tỷ lệ HĐXX chấp nhận quan điểm VKS	Tỷ lệ số vụ án hủy sửa
1	2013	445	426	6	95,73%	1,35%
2	2014	420	415	4	98,81%	0,95%
3	2015	423	418	4	98,82%	0,95%
4	2016	381	379	2	99,48%	0,52%
5	2017	356	355	2	99,72%	0,56%
6	Tổng cộng	2025	1993	18	98,42%	0,89%

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của TAND tỉnh Ninh Thuận từ 2013 đến 2017)

Bảng 2.6: Số lượng xét xử các vụ án của TAND hai cấp tỉnh Ninh Thuận từ năm 2013 đến năm 2017

STT	Tên Tòa án	Số vụ án xét xử 2013	Số vụ án xét xử 2014	Số vụ án xét xử 2015	Số vụ án xét xử 2016	Số vụ án xét xử 2017	Tổng số vụ án xét xử
1	tỉnh Ninh Thuận	29	25	27	24	17	122
2	Phan Rang-Tháp Chàm	189	176	193	155	160	873
3	Ninh Sơn	47	45	50	41	36	219
4	Bắc Ái	14	9	11	15	10	59
5	Ninh Hải	53	55	45	60	64	277
6	Thuận Nam	31	33	30	25	21	140
7	Thuận Bắc	17	19	15	13	9	73
8	Ninh Phước	65	58	52	48	39	262
9	Tổng cộng	445	420	423	381	356	2025

(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của TAND tỉnh Ninh Thuận từ 2013 đến 2017)